

PHƯƠNG ÁN ĐẦU TƯ



Dự án : Hoàn thiện và phát triển lưới hạ thế khu vực Phường Bình Trị Đông năm 2027.

Loại công trình : Hoàn thiện và phát triển trạm biến thế.

Kế hoạch : ĐTXD 2027.

Địa chỉ xây dựng : Phường Bình Trị Đông.

Khái toán vốn đầu tư : 18.744.806.283 đồng

Người lập phương án : Nguyễn Hưng Vương

Trưởng đơn vị : Nguyễn Quang Trình./.

Nơi nhận:

- Phòng KHVT (để phối hợp);
- Phòng KTAT (để phối hợp);
- Lưu: VT, QLLĐ, NHV.

**KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Ngô Văn Thành

NỘI DUNG PHƯƠNG ÁN ĐẦU TƯ

Hoàn thiện và phát triển lưới hạ thế khu vực Phường Bình Trị Đông năm 2027.

1. Các căn cứ và cơ sở lập dự án:

Căn cứ Quyết định số 50/QĐ-HĐTV ngày 18/04/2022 của Tập đoàn điện lực Việt Nam về việc ban hành suất vốn đầu tư xây dựng công trình lưới điện phân phối cấp điện áp đến 35kV;

Căn cứ công văn số 803/DVĐL-KD ngày 02/04/2025 của Công ty DVĐL Tp.HCM về việc thông báo cập nhật đơn giá thi công live line năm 2025 áp dụng hình thức tự thực hiện trong nội bộ Tổng công ty;

Căn cứ Quyết định số 07/QĐ-HĐTV ngày 07/01/2025 của Tổng công ty Điện lực TP.HCM về ban hành Quy định hướng dẫn phân cấp trong các dự án đầu tư xây dựng, trang bị tài sản cố định, ứng dụng công nghệ thông tin trong Tổng công ty Điện lực Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 2589/QĐ-EVNHCMC ngày 30/05/2025 của Tổng công ty Điện lực TP Hồ Chí Minh về việc phân cấp cho Giám đốc các đơn vị trực thuộc Tổng công ty Điện lực TP Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 70/QĐ-HĐTV ngày 30/05/2025 của Tổng công ty Điện lực TP.HCM về việc ban hành Quy chế về công tác đầu tư xây dựng áp dụng trong Tổng công ty Điện lực Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 72/QĐ-HĐTV ngày 31/05/2025 của Tổng công ty Điện lực TP.HCM về việc ban hành Quy chế về công tác kế hoạch áp dụng trong Tổng công ty Điện lực Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 789/QĐ-EVN ngày 10/6/2025 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam về ban hành quy định về công tác Đầu tư xây dựng trong Tập đoàn Điện lực Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 5791/QĐ-EVNHCMC ngày 04/11/2025 của Tổng công ty Điện lực TP Hồ Chí Minh về việc ban hành suất vốn đầu tư công trình đường dây trung thế nổi áp dụng trong nội bộ Tổng công ty Điện lực TP Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 5335/QĐ-EVNHCMC ngày 13/10/2025 của Tổng công ty Điện lực TP Hồ Chí Minh về việc ban hành suất vốn đầu tư các công trình: Cáp ngầm hạ thế lõi nhôm; Lắp đặt một số thiết bị chính (gồm: tụ bù trung thế, LBS và Recloser) áp dụng chung trong nội bộ Tổng công ty;

Căn cứ Quyết định số 6426/QĐ-EVNHCMC ngày 08/12/2025 của EVNHCMC về ban hành suất vốn đầu tư công trình lắp đặt tủ phân phối hạ thế áp dụng trong nội bộ Tổng công ty;

Căn cứ Quyết định số 6021/QĐ-EVNHCMC ngày 14/11/2025 của EVNHCMC Về việc ban hành suất vốn đầu tư công trình Móng trạm biến áp 01 cột thép loại không tích hợp tủ RMU; cáp ngầm hạ thế; trạm biến áp trung thế (loại máy khô) áp dụng trong nội bộ Tổng công ty;

Căn cứ Quyết định số 3788/QĐ-QĐ-EVNHCMC ngày 24/07/2025 của EVNHCMC Về việc ban hành suất vốn đầu tư công trình đường dây trung thế nổi loại 3 pha 4 dây sử dụng trụ bê tông ly tâm 18 m – 10 kN (khu vực 1 và 2) áp dụng trong nội bộ Tổng công ty;

Căn cứ Quyết định số 3571/QĐ-EVNHCMC ngày 14/07/2025 của EVNHCMC Về việc ban hành Suất vốn đầu tư công trình: Lắp đặt tủ trung thế (gồm phần móng, thiết bị) áp dụng trong nội bộ Tổng công ty;

Căn cứ Tờ trình số 68/QLLĐ ngày 13/01/2026 của Đội QLLĐ về việc kế hoạch đăng ký danh mục đầu tư xây dựng năm 2027 _hiệu chỉnh.

2. Mục tiêu đầu tư:

- Thay các trụ điện hạ thế bị nghiêng, thấp và các trụ sắt còn tồn tại trên lưới điện.
- Tăng cường lưới hạ thế để chia tải với các lộ ra có phụ tải cao đảm bảo mỗi lộ ra có phụ tải từ 80 đến 120 A để nâng cao chất lượng cung cấp điện, đảm bảo vận hành an toàn lưới điện.
- Tăng cường lưới hạ thế để thay thế các nhánh dây mắc điện thuộc các ngõ hẻm để nâng cao chất lượng cung cấp điện, đảm bảo vận hành an toàn lưới điện.
- Thực hiện hoàn thiện lưới điện cũng như đồng bộ dự án.

3. Hiện trạng lưới điện:

3.1. Phụ tải khu vực cung cấp điện:

Do quỹ đất còn nhiều tạo điều kiện thuận lợi cho việc di dời các xí nghiệp và cơ sở sản xuất từ nội thành ra, khu vực được khảo sát đang phát triển mạnh theo định hướng cụm công nghiệp – tiểu thủ công nghiệp.

Qua đó, sự gia tăng dân số cơ học tại khu Phường Bình Trị Đông trong những năm gần đây lớn, dẫn đến nhu cầu về phụ tải điện sinh hoạt và dịch vụ cũng tăng cao.

3.2. Hiện trạng lưới điện:

3.2.1. Hiện trạng địa lý:

Khu vực Phường Bình Trị Đông:

- Phía Bắc giáp: Phường Tây Thạnh
- Phía Đông giáp: Phường Bình Tân
- Phía Nam giáp: Phường Bình Hưng Hòa

- Phía Tây giáp: Phường Phú Thọ Hòa

3.2.2. Hiện trạng và phương hướng phát triển kinh tế, xã hội:

a. Nông nghiệp:

Nông nghiệp chủ yếu là trồng trọt, nuôi trồng thủy sản. Trong những năm qua, do quá trình đô thị hoá diễn ra nhanh nên diện tích đất và qui mô sản xuất nông nghiệp bị thu hẹp, thay vào đó là sự phát triển của khu dân cư và các ngành công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp.

b. Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp:

Ngành công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn phát triển mạnh và đa dạng với các ngành nghề chính như: nhựa, may mặc, cơ khí, nhôm, sản xuất và gia công đồ gỗ, ...

c. Thương mại - dịch vụ:

Ngành thương mại - dịch vụ đang phát triển, tuy nhiên không đồng đều, chủ yếu theo các trục lộ chính trên địa bàn.

d. Giao thông - thủy lợi

Phường Bình Trị Đông là cửa ngõ quan trọng phía Tây Nam TP.HCM, có đường Quốc lộ 1A là trục xuyên suốt. Khu vực có hệ thống giao thông đường bộ rất thuận lợi cho việc phát triển thương mại - dịch vụ - sản xuất - thương mại, giao lưu văn hoá và hợp tác với các tỉnh trong việc phát triển kinh tế.

e. Dân cư:

Khu vực Phường Bình Trị Đông dân cư phát triển mạnh do ảnh hưởng từ trào lưu đô thị hóa và một phần sinh hoạt phục vụ công nhân khu dân cư và các cơ sở sản xuất.

3.2.3. Hiện trạng lưới điện:

3.2.3a. Nguồn cung cấp:

Khu vực phường Bình Trị Đông được cấp điện từ các tuyến dây 22KV thuộc các trạm trung gian Bình Tân (3x63MVA), Tân Bình 1 (2x63MVA), Tân Bình 2 (2x63MVA), Bình Trị Đông (2x63MVA)

3.2.3b. Lưới trung thế:

Đường dây trung thế hiện hữu đã bao phủ các trục đường chính của phường và các nơi có khu dân cư tập trung, chiếm khoảng 90% địa bàn của toàn vùng.

Trong phạm vi công trình được cung cấp từ các đường dây trung thế 22KV như sau:

TT	Phát tuyến	Tiết diện dây	I _{dm} (A)	I(Max)	Ghi chú
	TRẠM TÂN BÌNH 1				
1	LIÊN HỢP	3ACV240+AC95	600	70	21-10-25
2	KIM LIÊN	3ACV240+AC95	600	130	21-10-25

TT	Phát tuyến	Tiết diện dây	I _{dm} (A)	I(Max)	Ghi chú
3	CẦU BUNG	3ACV240+AC95	600	130	21-10-25
4	ÔNG KINH	3ACV240+AC95	600	160	21-10-25
5	KCN VĨNH LỘC	3ACV240+AC95	600	210	21-10-25
6	HÙNG HÒA	3ACV240+AC95	600	250	21-10-25
	TRẠM TÂN BÌNH 2				
1	NGHI XUÂN	3ACV240+AC95	600	220	21-10-25
2	VĂN QUỚI	3ACV240+AC95	600	160	21-10-25
3	ĐƯỜNG SỬ	3ACV240+AC95	600	170	21-10-25
4	TÂN KHAI	3ACV240+AC95	600	150	21-10-25
	TRẠM GIS BÌNH TÂN				
1	PHƯƠNG OANH	3ACV240+AC95	600	200	21-10-25
2	CHIẾN LƯỢC	3ACV240+AC95	600	160	21-10-25
3	GỖ XƯA	3ACV240+AC95	600	210	21-10-25
4	THÔNG VẬN	3ACV240+AC95	600	230	21-10-25
5	AO ĐÔI	3ACV240+AC95	600	100	21-10-25
6	BÀ YẾN	3ACV240+AC95	600	210	21-10-25
7	BẦY A	3ACV240+AC95	600	190	21-10-25
8	KDC BÌNH TÂN	3ACV240+AC95	600	200	21-10-25

Các trục chính đều có tiết diện chuẩn 240mm², đảm bảo khả năng mang tải và cung cấp điện ổn định trong vận hành.

3.2.2c. Trạm hạ thế:

Cùng với việc điều chuyển các trạm biến thế non và quá tải, đồng thời hàng năm đưa vào vận hành các trạm biến thế trong các công trình ĐTXD sẽ đảm bảo cung cấp điện cho phụ tải trong khu vực.

3.2.3d. Lưới hạ thế:

Trong thời gian qua, các tuyến đường, hẻm trong khu vực phường Bình Trị Đông đã và đang được mở rộng nâng cấp, kèm theo đó tốc độ phát triển dân cư tăng nhanh nên lưới hạ thế hiện hữu bị quá tải, cáp băng đường không an toàn và không mỹ quan, không đáp ứng phụ tải trong thời gian tới. Vì vậy cần thiết phải phát triển lưới hạ thế tại các khu vực trên để hoàn thiện lưới điện.

4. Quy mô, đặc điểm dự án:

a. Giải pháp kỹ thuật đề xuất:

- Lắp mới trạm biến áp để chia phụ tải với các trạm đầy tải (tải trên 80% liên tục trong 3 tháng), giảm bán kính lưới hạ thế xuống dưới 300 mét để đảm bảo điện áp ổn định, giảm tổn thất điện năng, giảm sự cố mất điện trong khu vực.

- Tăng cường lưới hạ thế để chia tải với các lộ ra có phụ tải cao đảm bảo mỗi lộ ra có phụ tải từ 80 đến 120 A để nâng cao chất lượng cung cấp điện, đảm bảo vận hành an toàn lưới điện.

- Tăng cường lưới hạ thế để thay thế các nhánh dây mắc điện thuộc các ngõ hẻm để nâng cao chất lượng cung cấp điện, đảm bảo vận hành an toàn lưới điện.

- Cải tạo cáp suất, CDHT, MCCB thành tủ điện tổng dùng cho trạm biến thế đo đếm hạ thế nhằm mục đích:

+ Tăng độ an toàn trong công tác vận hành lưới điện (bảo vệ lưới điện qua MCCB tổng và MCCB con).

+ Dễ dàng thao tác đóng cắt, cô lập lưới điện khi có yêu cầu.

+ Tăng tính thẩm mỹ tại trạm điện so với việc sử dụng các thùng MCCB riêng lẻ.

- Bên cạnh đó, để thực hiện hoàn thiện lưới điện cũng như đồng bộ dự án phải thực hiện như sau:

+ Tăng cường cáp ABC có chủng loại <95mm² thành cáp ABC 4*95mm².

+ Thay thế các đoạn cáp bị tróc vỏ.

+ Thay thế các trụ thấp, góc nghiêng nhỏ... không đáp ứng tiêu chuẩn vận hành lâu dài.

+ Đối với các trụ trồng mới, thay mới:

. Thực hiện đánh số trụ theo qui định và sơn biển cảnh báo nguy hiểm.

. Thực hiện lắp mới các bảng chỉ danh thiết bị nếu vị trí trụ có thiết bị.

Cụ thể như sau:

a.1 Cải tạo, thay dây mắc điện thành cáp 4x95mm², thay cáp ABC 4x95 mm² vận hành lâu năm

Stt	Tên trạm biến thế	Từ địa chỉ	Đến địa chỉ	Tên đường	Khoảng cách	Ghi chú
1	QUYET THANG 1					
		trạm	356/4	Tỉnh Lộ 10	200	Thay 2 nắp 4x95mm ² vận hành lâu năm cáp có hiện tượng lão hóa kết hợp lắp bổ sung hộp domino, thay trụ điện thấp, lắp đà sắt để đảm bảo khoảng cách an toàn theo quy định; Tăng cường 1 nắp 4x95mm ² để giảm tải lưới hạ thế,
		trạm	452	Tỉnh Lộ 10	210	Thay 2 nắp 4x95mm ² vận hành lâu năm cáp có hiện tượng lão hóa kết hợp lắp bổ sung hộp domino, thay trụ điện thấp, lắp đà sắt để đảm bảo khoảng cách an toàn theo quy định; Tăng cường 1 nắp 4x95mm ² để giảm tải lưới hạ thế,

Stt	Tên trạm biến thế	Từ địa chỉ	Đến địa chỉ	Tên đường	Khoảng cách	Ghi chú
		452	Cuối hẻm	Tỉnh Lộ 10	200	Thay 1 nắp 4x95mm2 vận hành lâu năm cáp có hiện tượng lão hóa kết hợp lắp bổ sung hộp domino, thay trụ điện thấp, lắp đà sắt để đảm bảo khoảng cách an toàn theo quy định; Tăng cường 1 nắp 4x95mm2 để giảm tải lưới hạ thế,
		trạm	Cuối hẻm 398	Tỉnh Lộ 10	150	Thay 1 nắp 4x95mm2 vận hành lâu năm cáp có hiện tượng lão hóa kết hợp lắp bổ sung hộp domino, thay trụ điện thấp, lắp đà sắt để đảm bảo khoảng cách an toàn theo quy định; Tăng cường 1 nắp 4x95mm2 để giảm tải lưới hạ thế,
		trạm	Cuối hẻm 372	Tỉnh Lộ 10	160	Thay 1 nắp 4x95mm2 vận hành lâu năm cáp có hiện tượng lão hóa kết hợp lắp bổ sung hộp domino, thay trụ điện thấp, lắp đà sắt để đảm bảo khoảng cách an toàn theo quy định; Tăng cường 1 nắp 4x95mm2 để giảm tải lưới hạ thế,
		372/1	372/7	Tỉnh Lộ 10	30	Cải tạo, thay dây mắc điện thành 1 nắp 4x95mm2
2	QUYET THANG 2					
		trạm	452	Tỉnh Lộ 10	180	Thay 2 nắp 4x95mm2 vận hành lâu năm cáp có hiện tượng lão hóa kết hợp lắp bổ sung hộp domino, thay trụ điện thấp, lắp đà sắt để đảm bảo khoảng cách an toàn theo quy định
		trạm	496	Tỉnh Lộ 10	150	Thay 6 nắp 4x95mm2 vận hành lâu năm cáp có hiện tượng lão hóa kết hợp lắp bổ sung hộp domino, thay trụ điện thấp, lắp đà sắt để đảm bảo khoảng cách an toàn theo quy định
		trạm	530	Tỉnh Lộ 10	90	Thay 2 nắp 4x95mm2 vận hành lâu năm cáp có hiện tượng lão hóa kết hợp lắp bổ sung hộp domino, thay trụ điện thấp, lắp đà sắt để đảm bảo khoảng cách an toàn theo quy định
		462	Cuối hẻm	Tỉnh Lộ 10	50	Thay 1 nắp 4x95mm2 vận hành lâu năm cáp có hiện tượng lão hóa kết hợp lắp bổ sung hộp domino, thay trụ điện thấp, lắp

Stt	Tên trạm biến thế	Từ địa chỉ	Đến địa chỉ	Tên đường	Khoảng cách	Ghi chú
						đà sắt để đảm bảo khoảng cách an toàn theo quy định
		482	482/1 0	Tỉnh Lộ 10	100	Thay 4 nắp 4x95mm ² vận hành lâu năm cáp có hiện tượng lão hóa kết hợp lắp bổ sung hộp domino, thay trụ điện thấp, lắp đà sắt để đảm bảo khoảng cách an toàn theo quy định
		496	Cuối hẻm	Tỉnh Lộ 10	60	Thay 1 nắp 4x95mm ² vận hành lâu năm cáp có hiện tượng lão hóa kết hợp lắp bổ sung hộp domino, thay trụ điện thấp, lắp đà sắt để đảm bảo khoảng cách an toàn theo quy định
3	BINH TRI 10/2					
		trạm	542	Tỉnh Lộ 10	100	Thay 1 nắp 4x95mm ² vận hành lâu năm cáp có hiện tượng lão hóa kết hợp lắp bổ sung hộp domino, thay trụ điện thấp, lắp đà sắt để đảm bảo khoảng cách an toàn theo quy định; Tăng cường 1 nắp 4x95mm ² để giảm tải lưới hạ thế,
		trạm	530/2	Tỉnh Lộ 10	120	Thay 4 nắp 4x95mm ² vận hành lâu năm cáp có hiện tượng lão hóa kết hợp lắp bổ sung hộp domino, thay trụ điện thấp, lắp đà sắt để đảm bảo khoảng cách an toàn theo quy định
4	BINH TRI 1/2					
		trạm	542	Tỉnh Lộ 10	150	Thay 1 nắp 4x95mm ² vận hành lâu năm cáp có hiện tượng lão hóa kết hợp lắp bổ sung hộp domino, thay trụ điện thấp, lắp đà sắt để đảm bảo khoảng cách an toàn theo quy định; Tăng cường 1 nắp 4x95mm ² để giảm tải lưới hạ thế,
		trạm	598	Tỉnh Lộ 10	50	Thay 1 nắp 4x95mm ² vận hành lâu năm cáp có hiện tượng lão hóa kết hợp lắp bổ sung hộp domino, thay trụ điện thấp, lắp đà sắt để đảm bảo khoảng cách an toàn theo quy định
		trạm	588/1 6	Tỉnh Lộ 10	120	Thay 3 nắp 4x95mm ² vận hành lâu năm cáp có hiện tượng lão hóa kết hợp lắp bổ sung hộp domino, thay trụ điện thấp, lắp

Stt	Tên trạm biến thế	Từ địa chỉ	Đến địa chỉ	Tên đường	Khoảng cách	Ghi chú
						đà sắt để đảm bảo khoảng cách an toàn theo quy định
		588/3	Cuối hẻm	Tỉnh Lộ 10	100	Thay 1 nắp 4x95mm2 vận hành lâu năm cáp có hiện tượng lão hóa kết hợp lắp bổ sung hộp domino, thay trụ điện thấp, lắp đà sắt để đảm bảo khoảng cách an toàn theo quy định; Tăng cường 1 nắp 4x95mm2 để giảm tải lưới hạ thế,
5	BINH TRI 1					
		trạm	590	Tỉnh Lộ 10	60	Thay 1 nắp 4x95mm2 vận hành lâu năm cáp có hiện tượng lão hóa kết hợp lắp bổ sung hộp domino, thay trụ điện thấp, lắp đà sắt để đảm bảo khoảng cách an toàn theo quy định
		trạm	648	Tỉnh Lộ 10	120	Thay 4 nắp 4x95mm2 vận hành lâu năm cáp có hiện tượng lão hóa kết hợp lắp bổ sung hộp domino, thay trụ điện thấp, lắp đà sắt để đảm bảo khoảng cách an toàn theo quy định, tháo dỡ, lắp lại 1 nắp 4x95mm2 để chỉnh trang lại lưới hạ thế
		634	634/3 6	Tỉnh Lộ 10	200	Thay 3 nắp 4x95mm2 vận hành lâu năm cáp có hiện tượng lão hóa kết hợp lắp bổ sung hộp domino, thay trụ điện thấp, lắp đà sắt để đảm bảo khoảng cách an toàn theo quy định
		642/2	cuối hẻm	Tỉnh Lộ 10	100	Cải tạo, thay dây mắc điện thành 1 nắp 4x95mm2
		642/16	cuối hẻm	Tỉnh Lộ 10	30	Cải tạo, thay dây mắc điện thành 1 nắp 4x95mm2
6	BINH TRI 2					
		trạm	648	Tỉnh Lộ 10	210	Thay 3 nắp 4x95mm2 vận hành lâu năm cáp có hiện tượng lão hóa kết hợp lắp bổ sung hộp domino, thay trụ điện thấp, lắp đà sắt để đảm bảo khoảng cách an toàn theo quy định
		676	45	LK 16- 18	180	Thay 2 nắp 4x95mm2 vận hành lâu năm cáp có hiện tượng lão hóa kết hợp lắp bổ sung hộp domino, thay trụ điện thấp, lắp đà sắt để đảm bảo khoảng cách an toàn theo quy định; Tăng

Stt	Tên trạm biến thế	Từ địa chỉ	Đến địa chỉ	Tên đường	Khoảng cách	Ghi chú
						cường 1 nắp 4x95mm2 để giảm tải lưới hạ thế,
		29	Cuối hẻm	LK 16- 18	100	Cải tạo, thay dây mắc điện thành 1 nắp 4x95mm2
		26	Cuối hẻm	LK 16- 18	80	Cải tạo, thay dây mắc điện thành 1 nắp 4x95mm2
		700	Cuối hẻm	Tỉnh Lộ 10	150	Cải tạo, thay dây mắc điện thành 1 nắp 4x95mm2
		trạm	738	Tỉnh Lộ 10	100	Thay 2 nắp 4x95mm2 vận hành lâu năm cáp có hiện tượng lão hóa kết hợp lắp bổ sung hộp domino, thay trụ điện thấp, lắp đà sắt để đảm bảo khoảng cách an toàn theo quy định
		1	20	Trương Phước Phan	100	Thay 1 nắp 4x95mm2 vận hành lâu năm cáp có hiện tượng lão hóa kết hợp lắp bổ sung hộp domino, thay trụ điện thấp, lắp đà sắt để đảm bảo khoảng cách an toàn theo quy định; Tăng cường 1 nắp 4x95mm2 để giảm tải lưới hạ thế,
7	BINH TRI 3/3					
		trạm	738	Tỉnh Lộ 10	100	Thay 1 nắp 4x95mm2 vận hành lâu năm cáp có hiện tượng lão hóa kết hợp lắp bổ sung hộp domino, thay trụ điện thấp, lắp đà sắt để đảm bảo khoảng cách an toàn theo quy định; Tăng cường 1 nắp 4x95mm2 để giảm tải lưới hạ thế,
		trạm	798	Tỉnh Lộ 10	120	Thay 1 nắp 4x95mm2 vận hành lâu năm cáp có hiện tượng lão hóa kết hợp lắp bổ sung hộp domino, thay trụ điện thấp, lắp đà sắt để đảm bảo khoảng cách an toàn theo quy định; Tăng cường 1 nắp 4x95mm2 để giảm tải lưới hạ thế,
		trạm	766/5	Tỉnh Lộ 10	100	Thay 1 nắp 4x95mm2 vận hành lâu năm cáp có hiện tượng lão hóa kết hợp lắp bổ sung hộp domino, thay trụ điện thấp, lắp đà sắt để đảm bảo khoảng cách an toàn theo quy định; Tăng cường 1 nắp 4x95mm2 để giảm tải lưới hạ thế,
		766/5	Cuối hẻm	Tỉnh Lộ 10	80	Cải tạo, thay dây mắc điện thành 1 nắp 4x95mm2

Stt	Tên trạm biến thế	Từ địa chỉ	Đến địa chỉ	Tên đường	Khoảng cách	Ghi chú
		792	Cuối hẻm	Tỉnh Lộ 10	60	Cải tạo, thay dây mắc điện thành 1 nắp 4x95mm2
8	BINH TRI 4					
		trạm	798	Tỉnh Lộ 10	110	Thay 1 nắp 4x95mm2 vận hành lâu năm cáp có hiện tượng lão hóa kết hợp lắp bổ sung hộp domino, thay trụ điện thấp, lắp đà sắt để đảm bảo khoảng cách an toàn theo quy định; Tăng cường 1 nắp 4x95mm2 để giảm tải lưới hạ thế,
		trạm	882	Tỉnh Lộ 10	200	Thay 1 nắp 4x95mm2 vận hành lâu năm cáp có hiện tượng lão hóa kết hợp lắp bổ sung hộp domino, thay trụ điện thấp, lắp đà sắt để đảm bảo khoảng cách an toàn theo quy định; Tăng cường 1 nắp 4x95mm2 để giảm tải lưới hạ thế,
9	CHO BINH TRI					
		5		Bình Trị Đông	100	Cải tạo, thay dây mắc điện thành 1 nắp 4x95mm2
10	BINH TRI 1/2A					
		trạm	588/1 3	Tỉnh Lộ 10	50	Thay 1 nắp 4x95mm2 vận hành lâu năm cáp có hiện tượng lão hóa kết hợp lắp bổ sung hộp domino, thay trụ điện thấp, lắp đà sắt để đảm bảo khoảng cách an toàn theo quy định; Tăng cường 1 nắp 4x95mm2 để giảm tải lưới hạ thế,
		trạm	588/2 4/9	Tỉnh Lộ 10	100	
		trạm	588/3 8	Tỉnh Lộ 10	100	Thay 4 nắp 4x95mm2 vận hành lâu năm cáp có hiện tượng lão hóa kết hợp lắp bổ sung hộp domino, thay trụ điện thấp, lắp đà sắt để đảm bảo khoảng cách an toàn theo quy định, tháo dỡ, lắp lại 1 nắp 4x95mm2 để chỉnh trang lại lưới hạ thế
		588/27	588/2 7/44	Tỉnh Lộ 10	130	Thay 2 nắp 4x95mm2 vận hành lâu năm cáp có hiện tượng lão hóa kết hợp lắp bổ sung hộp domino, thay trụ điện thấp, lắp đà sắt để đảm bảo khoảng cách

Stt	Tên trạm biến thế	Từ địa chỉ	Đến địa chỉ	Tên đường	Khoảng cách	Ghi chú
						an toàn theo quy định
		588/27/2 5	Cuối hẻm	Tỉnh Lộ 10	80	Cải tạo, thay dây mắc điện thành 1 nắp 4x95mm2
		588/27/4 7	Cuối hẻm	Tỉnh Lộ 10	90	Cải tạo, thay dây mắc điện thành 1 nắp 4x95mm2
		588/37	Cuối hẻm	Tỉnh Lộ 10	100	Thay 2 nắp 4x95mm2 vận hành lâu năm cáp có hiện tượng lão hóa kết hợp lắp bổ sung hộp domino, thay trụ điện thấp, lắp đà sắt để đảm bảo khoảng cách an toàn theo quy định
		588/55	Cuối hẻm	Tỉnh Lộ 10	100	Cải tạo, thay dây mắc điện thành 1 nắp 4x95mm2
11	BO CO 4/3					
		trạm	482/2 5/7	Tỉnh Lộ 10	70	Thay 2 nắp 4x95mm2 vận hành lâu năm cáp có hiện tượng lão hóa kết hợp lắp bổ sung hộp domino, thay trụ điện thấp, lắp đà sắt để đảm bảo khoảng cách an toàn theo quy định; Tăng cường 1 nắp 4x95mm2 để giảm tải lưới hạ thế,
		482/25/7	Cuối hẻm		150	Thay 1 nắp 4x95mm2 vận hành lâu năm cáp có hiện tượng lão hóa kết hợp lắp bổ sung hộp domino, thay trụ điện thấp, lắp đà sắt để đảm bảo khoảng cách an toàn theo quy định; Tăng cường 1 nắp 4x95mm2 để giảm tải lưới hạ thế,
		trạm	95/9	Chiến Lược	150	Thay 2 nắp 4x95mm2 vận hành lâu năm cáp có hiện tượng lão hóa kết hợp lắp bổ sung hộp domino, thay trụ điện thấp, lắp đà sắt để đảm bảo khoảng cách an toàn theo quy định; tháo dỡ, lắp lại 1 nắp 4x95mm2 để chỉnh trang lại lưới hạ thế.
12	LE VAN HIEN 2					
		trạm	542/2 0	Tỉnh Lộ 10	80	Thay 2 nắp 4x95mm2 vận hành lâu năm cáp có hiện tượng lão hóa kết hợp lắp bổ sung hộp domino, thay trụ điện thấp, lắp đà sắt để đảm bảo khoảng cách an toàn theo quy định; Tăng cường 1 nắp 4x95mm2 để giảm tải lưới hạ thế,
		542/5	Cuối	Tỉnh	150	Thay 1 nắp 4x95mm2 vận hành

Stt	Tên trạm biến thế	Từ địa chỉ	Đến địa chỉ	Tên đường	Khoảng cách	Ghi chú
			hẻm	Lộ 10		lâu năm cáp có hiện tượng lão hóa kết hợp lắp bổ sung hộp domino, thay trụ điện thấp, lắp đà sắt để đảm bảo khoảng cách an toàn theo quy định; Tăng cường 1 nắp 4x95mm2 để giảm tải lưới hạ thế,
13	LE VAN HIEN					
		588/24	Cuối hẻm	Tỉnh Lộ 10	120	Cải tạo, thay dây mắc điện thành 1 nắp 4x95mm2
		trạm	588/24	Tỉnh Lộ 10	100	Thay 2 nắp 4x95mm2 vận hành lâu năm cáp có hiện tượng lão hóa kết hợp lắp bổ sung hộp domino, thay trụ điện thấp, lắp đà sắt để đảm bảo khoảng cách an toàn theo quy định
14	DA XA					
		trạm	717	An Dương Vương	120	
		713	Cuối hẻm	An Dương Vương	200	Thay 2 nắp 4x95mm2 vận hành lâu năm cáp có hiện tượng lão hóa kết hợp lắp bổ sung hộp domino, thay trụ điện thấp, lắp đà sắt để đảm bảo khoảng cách an toàn theo quy định
		trạm	699	An Dương Vương	80	Thay 1 nắp 4x95mm2 vận hành lâu năm cáp có hiện tượng lão hóa kết hợp lắp bổ sung hộp domino, thay trụ điện thấp, lắp đà sắt để đảm bảo khoảng cách an toàn theo quy định
		trạm	695	An Dương Vương	100	Thay 1 nắp 4x95mm2 vận hành lâu năm cáp có hiện tượng lão hóa kết hợp lắp bổ sung hộp domino, thay trụ điện thấp, lắp đà sắt để đảm bảo khoảng cách an toàn theo quy định; Tăng cường 1 nắp 4x95mm2 để giảm tải lưới hạ thế,
		695	Cuối hẻm	An Dương Vương	80	Cải tạo, thay dây mắc điện thành 1 nắp 4x95mm2
15	DA XA 2					
		trạm	621	An Dương Vương	90	Thay 1 nắp 4x95mm2 vận hành lâu năm cáp có hiện tượng lão hóa kết hợp lắp bổ sung hộp domino, thay trụ điện thấp, lắp đà sắt để đảm bảo khoảng cách

Stt	Tên trạm biến thế	Từ địa chỉ	Đến địa chỉ	Tên đường	Khoảng cách	Ghi chú
						an toàn theo quy định; Tăng cường 1 nắp 4x95mm2 để giảm tải lưới hạ thế,
		314	Cuối hẻm	Tỉnh Lộ 10	100	Cải tạo, thay dây mắc điện thành 1 nắp 4x95mm2
		643	Cuối hẻm	An Dương Vương	120	Cải tạo, thay dây mắc điện thành 1 nắp 4x95mm2
		314/44	Cuối hẻm	Tỉnh Lộ 10	120	Cải tạo, thay dây mắc điện thành 1 nắp 4x95mm2
		314/46	Cuối hẻm	Tỉnh Lộ 10	120	Cải tạo, thay dây mắc điện thành 1 nắp 4x95mm2
		324	Cuối hẻm	Tỉnh Lộ 10	100	Cải tạo, thay dây mắc điện thành 1 nắp 4x95mm2
		trạm	695	An Dương Vương	150	Thay 1 nắp 4x95mm2 vận hành lâu năm cáp có hiện tượng lão hóa kết hợp lắp bổ sung hộp domino, thay trụ điện thấp, lắp đà sắt để đảm bảo khoảng cách an toàn theo quy định; Tăng cường 1 nắp 4x95mm2 để giảm tải lưới hạ thế,
		trạm	699/1 2	An Dương Vương	120	Thay 2 nắp 4x95mm2 vận hành lâu năm cáp có hiện tượng lão hóa kết hợp lắp bổ sung hộp domino, thay trụ điện thấp, lắp đà sắt để đảm bảo khoảng cách an toàn theo quy định; Tăng cường 1 nắp 4x95mm2 để giảm tải lưới hạ thế,
		356	Cuối hẻm	Tỉnh Lộ 10	100	Thay 1 nắp 4x95mm2 vận hành lâu năm cáp có hiện tượng lão hóa kết hợp lắp bổ sung hộp domino, thay trụ điện thấp, lắp đà sắt để đảm bảo khoảng cách an toàn theo quy định; Tăng cường 1 nắp 4x95mm2 để giảm tải lưới hạ thế,
16	CAY BANG 1/2					
		trạm	113	LK 5- 11-12	140	Thay 2 nắp 4x95mm2 vận hành lâu năm cáp có hiện tượng lão hóa kết hợp lắp bổ sung hộp domino, thay trụ điện thấp, lắp đà sắt để đảm bảo khoảng cách an toàn theo quy định; Tăng cường 1 nắp 4x95mm2 để giảm tải lưới hạ thế,
		113	106/1/ 12/15	LK 5- 11-12	150	Thay 1 nắp 4x95mm2 vận hành lâu năm cáp có hiện tượng lão

Stt	Tên trạm biến thế	Từ địa chỉ	Đến địa chỉ	Tên đường	Khoảng cách	Ghi chú
						hóa kết hợp lắp bổ sung hộp domino, thay trụ điện thấp, lắp đà sắt để đảm bảo khoảng cách an toàn theo quy định; Tăng cường 1 nắp 4x95mm2 để giảm tải lưới hạ thế,
		trạm	105	Đình Nghi Xuân	160	Thay 2 nắp 4x95mm2 vận hành lâu năm cáp có hiện tượng lão hóa kết hợp lắp bổ sung hộp domino, thay trụ điện thấp, lắp đà sắt để đảm bảo khoảng cách an toàn theo quy định
17	QUANG VU 1/2					
		trạm	83/48	LK 10-11	200	Thay 2 nắp 4x95mm2 vận hành lâu năm cáp có hiện tượng lão hóa kết hợp lắp bổ sung hộp domino, thay trụ điện thấp, lắp đà sắt để đảm bảo khoảng cách an toàn theo quy định
		trạm	91/50	LK 10-11	150	Thay 4 nắp 4x95mm2 vận hành lâu năm cáp có hiện tượng lão hóa kết hợp lắp bổ sung hộp domino, thay trụ điện thấp, lắp đà sắt để đảm bảo khoảng cách an toàn theo quy định, tháo dỡ, lắp lại 1 nắp 4x95mm2 để chỉnh trang lại lưới hạ thế
18	VUNG DINH					
		trạm	439	Tân Hòa Đông	250	Thay 2 nắp 4x95mm2 vận hành lâu năm cáp có hiện tượng lão hóa kết hợp lắp bổ sung hộp domino, thay trụ điện thấp, lắp đà sắt để đảm bảo khoảng cách an toàn theo quy định; tháo dỡ, lắp lại 1 nắp 4x95mm2 để chỉnh trang lại lưới hạ thế.
		409	Cuối hẻm	Tân Hòa Đông	210	Thay 1 nắp 4x95mm2 vận hành lâu năm cáp có hiện tượng lão hóa kết hợp lắp bổ sung hộp domino, thay trụ điện thấp, lắp đà sắt để đảm bảo khoảng cách an toàn theo quy định; Tăng cường 1 nắp 4x95mm2 để giảm tải lưới hạ thế,
		trạm	385	Tân Hòa Đông	120	Thay 2 nắp 4x95mm2 vận hành lâu năm cáp có hiện tượng lão hóa kết hợp lắp bổ sung hộp domino, thay trụ điện thấp, lắp

Stt	Tên trạm biến thế	Từ địa chỉ	Đến địa chỉ	Tên đường	Khoảng cách	Ghi chú
						đà sắt để đảm bảo khoảng cách an toàn theo quy định; tháo dỡ, lắp lại 1 nắp 4x95mm2 để chỉnh trang lại lưới hạ thế.
19	VUNG DINH 2					
		trạm	379	Tân Hòa Đông	120	Thay 2 nắp 4x95mm2 vận hành lâu năm cáp có hiện tượng lão hóa kết hợp lắp bổ sung hộp domino, thay trụ điện thấp, lắp đà sắt để đảm bảo khoảng cách an toàn theo quy định; Tăng cường 1 nắp 4x95mm2 để giảm tải lưới hạ thế, tháo dỡ, lắp lại 1 nắp 4x95mm2 để chỉnh trang lại lưới hạ thế.
		379	Cuối hẻm	Tân Hòa Đông	210	Thay 2 nắp 4x95mm2 vận hành lâu năm cáp có hiện tượng lão hóa kết hợp lắp bổ sung hộp domino, thay trụ điện thấp, lắp đà sắt để đảm bảo khoảng cách an toàn theo quy định
		trạm	381/2 0	Tân Hòa Đông	230	Thay 2 nắp 4x95mm2 vận hành lâu năm cáp có hiện tượng lão hóa kết hợp lắp bổ sung hộp domino, thay trụ điện thấp, lắp đà sắt để đảm bảo khoảng cách an toàn theo quy định; Tăng cường 1 nắp 4x95mm2 để giảm tải lưới hạ thế,
20	BO CO 6					
		trạm	103	Chiến Lược	100	Thay 2 nắp 4x95mm2 vận hành lâu năm cáp có hiện tượng lão hóa kết hợp lắp bổ sung hộp domino, thay trụ điện thấp, lắp đà sắt để đảm bảo khoảng cách an toàn theo quy định; tháo dỡ, lắp lại 1 nắp 4x95mm2 để chỉnh trang lại lưới hạ thế.
		103	129	Chiến Lược	150	Thay 2 nắp 4x95mm2 vận hành lâu năm cáp có hiện tượng lão hóa kết hợp lắp bổ sung hộp domino, thay trụ điện thấp, lắp đà sắt để đảm bảo khoảng cách an toàn theo quy định
		trạm	103/1 5	Chiến Lược	80	Thay 2 nắp 4x95mm2 vận hành lâu năm cáp có hiện tượng lão hóa kết hợp lắp bổ sung hộp domino, thay trụ điện thấp, lắp đà sắt để đảm bảo khoảng cách

Stt	Tên trạm biến thế	Từ địa chỉ	Đến địa chỉ	Tên đường	Khoảng cách	Ghi chú
						an toàn theo quy định; Tăng cường 1 nắp 4x95mm2 để giảm tải lưới hạ thế, tháo dỡ, lắp lại 1 nắp 4x95mm2 để chỉnh trang lại lưới hạ thế.
		103/16	Cuối hẻm	Chiến Lược	150	Thay 1 nắp 4x95mm2 vận hành lâu năm cáp có hiện tượng lão hóa kết hợp lắp bổ sung hộp domino, thay trụ điện thấp, lắp đà sắt để đảm bảo khoảng cách an toàn theo quy định; Tăng cường 1 nắp 4x95mm2 để giảm tải lưới hạ thế,
		103/20	Cuối hẻm	Chiến Lược	150	Thay 1 nắp 4x95mm2 vận hành lâu năm cáp có hiện tượng lão hóa kết hợp lắp bổ sung hộp domino, thay trụ điện thấp, lắp đà sắt để đảm bảo khoảng cách an toàn theo quy định; Tăng cường 1 nắp 4x95mm2 để giảm tải lưới hạ thế,
21	BO CO 6/2					
		trạm	103/1 5	Chiến Lược	100	Thay 1 nắp 4x95mm2 vận hành lâu năm cáp có hiện tượng lão hóa kết hợp lắp bổ sung hộp domino, thay trụ điện thấp, lắp đà sắt để đảm bảo khoảng cách an toàn theo quy định; Tăng cường 1 nắp 4x95mm2 để giảm tải lưới hạ thế,
		trạm	482/2 5/19	Tỉnh Lộ 10	220	Thay 1 nắp 4x95mm2 vận hành lâu năm cáp có hiện tượng lão hóa kết hợp lắp bổ sung hộp domino, thay trụ điện thấp, lắp đà sắt để đảm bảo khoảng cách an toàn theo quy định; Tăng cường 1 nắp 4x95mm2 để giảm tải lưới hạ thế,
		103/52	Cuối hẻm	Chiến Lược	60	Thay 1 nắp 4x95mm2 vận hành lâu năm cáp có hiện tượng lão hóa kết hợp lắp bổ sung hộp domino, thay trụ điện thấp, lắp đà sắt để đảm bảo khoảng cách an toàn theo quy định
		103/62	Cuối hẻm	Chiến Lược	60	Thay 1 nắp 4x95mm2 vận hành lâu năm cáp có hiện tượng lão hóa kết hợp lắp bổ sung hộp domino, thay trụ điện thấp, lắp đà sắt để đảm bảo khoảng cách

Stt	Tên trạm biến thế	Từ địa chỉ	Đến địa chỉ	Tên đường	Khoảng cách	Ghi chú
						an toàn theo quy định
		103/84	Cuối hẻm	Chiến Lược	60	Thay 1 nắp 4x95mm ² vận hành lâu năm cáp có hiện tượng lão hóa kết hợp lắp bổ sung hộp domino, thay trụ điện thấp, lắp đà sắt để đảm bảo khoảng cách an toàn theo quy định
22	HAI THA					
		trạm	477	Tân Hòa Đông	60	Thay 2 nắp 4x95mm ² vận hành lâu năm cáp có hiện tượng lão hóa kết hợp lắp bổ sung hộp domino, thay trụ điện thấp, lắp đà sắt để đảm bảo khoảng cách an toàn theo quy định
		trạm	439	Tân Hòa Đông	160	Thay 2 nắp 4x95mm ² vận hành lâu năm cáp có hiện tượng lão hóa kết hợp lắp bổ sung hộp domino, thay trụ điện thấp, lắp đà sắt để đảm bảo khoảng cách an toàn theo quy định; Tăng cường 1 nắp 4x95mm ² để giảm tải lưới hạ thế,
		473	Cuối hẻm	Tân Hòa Đông	240	Thay 1 nắp 4x95mm ² vận hành lâu năm cáp có hiện tượng lão hóa kết hợp lắp bổ sung hộp domino, thay trụ điện thấp, lắp đà sắt để đảm bảo khoảng cách an toàn theo quy định; Tăng cường 1 nắp 4x95mm ² để giảm tải lưới hạ thế,
		453	Cuối hẻm	Tân Hòa Đông	160	Thay 1 nắp 4x95mm ² vận hành lâu năm cáp có hiện tượng lão hóa kết hợp lắp bổ sung hộp domino, thay trụ điện thấp, lắp đà sắt để đảm bảo khoảng cách an toàn theo quy định; Tăng cường 1 nắp 4x95mm ² để giảm tải lưới hạ thế,
23	HUONG LO 2/11					
		trạm	621	Hương Lộ 2	170	
		564	Cuối hẻm	Hương Lộ 2	100	Cải tạo, thay dây mắc điện thành 1 nắp 4x95mm ²
		trạm	518	Hương Lộ 2	160	Thay 2 nắp 4x95mm ² vận hành lâu năm cáp có hiện tượng lão hóa kết hợp lắp bổ sung hộp domino, thay trụ điện thấp, lắp đà sắt để đảm bảo khoảng cách an toàn theo quy định; Tăng

Stt	Tên trạm biến thế	Từ địa chỉ	Đến địa chỉ	Tên đường	Khoảng cách	Ghi chú
						cường 1 nắp 4x95mm ² để giảm tải lưới hạ thế, tháo dỡ, lắp lại 1 nắp 4x95mm ² để chỉnh trang lại lưới hạ thế.
		544	Cuối hẻm	Hương Lộ 2	130	Thay 1 nắp 4x95mm ² vận hành lâu năm cáp có hiện tượng lão hóa kết hợp lắp bổ sung hộp domino, thay trụ điện thấp, lắp đà sắt để đảm bảo khoảng cách an toàn theo quy định; Tăng cường 1 nắp 4x95mm ² để giảm tải lưới hạ thế,
		520	Cuối hẻm	Hương Lộ 2	100	Thay 1 nắp 4x95mm ² vận hành lâu năm cáp có hiện tượng lão hóa kết hợp lắp bổ sung hộp domino, thay trụ điện thấp, lắp đà sắt để đảm bảo khoảng cách an toàn theo quy định; Tăng cường 1 nắp 4x95mm ² để giảm tải lưới hạ thế,
		520/5	Cuối hẻm	Hương Lộ 2	60	Thay 1 nắp 4x95mm ² vận hành lâu năm cáp có hiện tượng lão hóa kết hợp lắp bổ sung hộp domino, thay trụ điện thấp, lắp đà sắt để đảm bảo khoảng cách an toàn theo quy định
		520/13	Cuối hẻm	Hương Lộ 2	60	Thay 1 nắp 4x95mm ² vận hành lâu năm cáp có hiện tượng lão hóa kết hợp lắp bổ sung hộp domino, thay trụ điện thấp, lắp đà sắt để đảm bảo khoảng cách an toàn theo quy định
24	ONG NGOI 2					
		trạm	560	Hương Lộ 2	60	Thay 1 nắp 4x95mm ² vận hành lâu năm cáp có hiện tượng lão hóa kết hợp lắp bổ sung hộp domino, thay trụ điện thấp, lắp đà sắt để đảm bảo khoảng cách an toàn theo quy định; Tăng cường 1 nắp 4x95mm ² để giảm tải lưới hạ thế,
		64	Cuối hẻm	Trương Phước Phan	120	Thay 1 nắp 4x95mm ² vận hành lâu năm cáp có hiện tượng lão hóa kết hợp lắp bổ sung hộp domino, thay trụ điện thấp, lắp đà sắt để đảm bảo khoảng cách an toàn theo quy định; Tăng cường 1 nắp 4x95mm ² để giảm tải lưới hạ thế,

Stt	Tên trạm biến thế	Từ địa chỉ	Đến địa chỉ	Tên đường	Khoảng cách	Ghi chú
		trạm	60	Trương Phước Phan	130	Thay 2 nắp 4x95mm ² vận hành lâu năm cáp có hiện tượng lão hóa kết hợp lắp bổ sung hộp domino, thay trụ điện thấp, lắp đà sắt để đảm bảo khoảng cách an toàn theo quy định; Tăng cường 1 nắp 4x95mm ² để giảm tải lưới hạ thế, tháo dỡ, lắp lại 1 nắp 4x95mm ² để chỉnh trang lại lưới hạ thế.
		60	Cuối hẻm	Trương Phước Phan	180	Thay 2 nắp 4x95mm ² vận hành lâu năm cáp có hiện tượng lão hóa kết hợp lắp bổ sung hộp domino, thay trụ điện thấp, lắp đà sắt để đảm bảo khoảng cách an toàn theo quy định; tháo dỡ, lắp lại 1 nắp 4x95mm ² để chỉnh trang lại lưới hạ thế.
25	PHAM DAN 3					
		trạm	77	Trương Phước Phan	40	Thay 2 nắp 4x95mm ² vận hành lâu năm cáp có hiện tượng lão hóa kết hợp lắp bổ sung hộp domino, thay trụ điện thấp, lắp đà sắt để đảm bảo khoảng cách an toàn theo quy định
		trạm	99	Trương Phước Phan	80	Thay 2 nắp 4x95mm ² vận hành lâu năm cáp có hiện tượng lão hóa kết hợp lắp bổ sung hộp domino, thay trụ điện thấp, lắp đà sắt để đảm bảo khoảng cách an toàn theo quy định; tháo dỡ, lắp lại 1 nắp 4x95mm ² để chỉnh trang lại lưới hạ thế.
25	PHAM DAN 2/3					
		trạm	109	Trương Phước Phan	60	Thay 2 nắp 4x95mm ² vận hành lâu năm cáp có hiện tượng lão hóa kết hợp lắp bổ sung hộp domino, thay trụ điện thấp, lắp đà sắt để đảm bảo khoảng cách an toàn theo quy định; tháo dỡ, lắp lại 1 nắp 4x95mm ² để chỉnh trang lại lưới hạ thế.
		trạm	639/7 3/10	Hương Lộ 2	160	Thay 4 nắp 4x95mm ² vận hành lâu năm cáp có hiện tượng lão hóa kết hợp lắp bổ sung hộp domino, thay trụ điện thấp, lắp đà sắt để đảm bảo khoảng cách an toàn theo quy định

Stt	Tên trạm biến thế	Từ địa chỉ	Đến địa chỉ	Tên đường	Khoảng cách	Ghi chú
		62/2	Cuối hẻm	Trương Phước Phan	80	Thay 1 nắp 4x95mm ² vận hành lâu năm cáp có hiện tượng lão hóa kết hợp lắp bổ sung hộp domino, thay trụ điện thấp, lắp đà sắt để đảm bảo khoảng cách an toàn theo quy định; Tăng cường 1 nắp 4x95mm ² để giảm tải lưới hạ thế,
		24/5	Cuối hẻm	Trương Phước Phan	150	Thay 1 nắp 4x95mm ² vận hành lâu năm cáp có hiện tượng lão hóa kết hợp lắp bổ sung hộp domino, thay trụ điện thấp, lắp đà sắt để đảm bảo khoảng cách an toàn theo quy định; Tăng cường 1 nắp 4x95mm ² để giảm tải lưới hạ thế,
		24/15	Cuối hẻm	Trương Phước Phan	180	Thay 1 nắp 4x95mm ² vận hành lâu năm cáp có hiện tượng lão hóa kết hợp lắp bổ sung hộp domino, thay trụ điện thấp, lắp đà sắt để đảm bảo khoảng cách an toàn theo quy định; Tăng cường 1 nắp 4x95mm ² để giảm tải lưới hạ thế,
		24/19	Cuối hẻm	Trương Phước Phan	100	Thay 1 nắp 4x95mm ² vận hành lâu năm cáp có hiện tượng lão hóa kết hợp lắp bổ sung hộp domino, thay trụ điện thấp, lắp đà sắt để đảm bảo khoảng cách an toàn theo quy định; Tăng cường 1 nắp 4x95mm ² để giảm tải lưới hạ thế,
		62/3	Cuối hẻm	Trương Phước Phan	180	Thay 1 nắp 4x95mm ² vận hành lâu năm cáp có hiện tượng lão hóa kết hợp lắp bổ sung hộp domino, thay trụ điện thấp, lắp đà sắt để đảm bảo khoảng cách an toàn theo quy định; Tăng cường 1 nắp 4x95mm ² để giảm tải lưới hạ thế,
		62/5	Cuối hẻm	Trương Phước Phan	150	Thay 1 nắp 4x95mm ² vận hành lâu năm cáp có hiện tượng lão hóa kết hợp lắp bổ sung hộp domino, thay trụ điện thấp, lắp đà sắt để đảm bảo khoảng cách an toàn theo quy định; Tăng cường 1 nắp 4x95mm ² để giảm tải lưới hạ thế,
26	DAT MOI 116					

Stt	Tên trạm biến thế	Từ địa chỉ	Đến địa chỉ	Tên đường	Khoảng cách	Ghi chú
		trạm	124	Bình Trị Đông	60	Thay 2 nắp 4x95mm ² vận hành lâu năm cáp có hiện tượng lão hóa kết hợp lắp bổ sung hộp domino, thay trụ điện thấp, lắp đà sắt để đảm bảo khoảng cách an toàn theo quy định
		trạm	98/49	Bình Trị Đông	220	Thay 3 nắp 4x95mm ² vận hành lâu năm cáp có hiện tượng lão hóa kết hợp lắp bổ sung hộp domino, thay trụ điện thấp, lắp đà sắt để đảm bảo khoảng cách an toàn theo quy định
		98/46	Cuối hẻm	Bình Trị Đông	60	Thay 1 nắp 4x95mm ² vận hành lâu năm cáp có hiện tượng lão hóa kết hợp lắp bổ sung hộp domino, thay trụ điện thấp, lắp đà sắt để đảm bảo khoảng cách an toàn theo quy định
		98/29	Cuối hẻm	Bình Trị Đông	120	Thay 1 nắp 4x95mm ² vận hành lâu năm cáp có hiện tượng lão hóa kết hợp lắp bổ sung hộp domino, thay trụ điện thấp, lắp đà sắt để đảm bảo khoảng cách an toàn theo quy định; Tăng cường 1 nắp 4x95mm ² để giảm tải lưới hạ thế,
		98/45	Cuối hẻm	Bình Trị Đông	100	Thay 1 nắp 4x95mm ² vận hành lâu năm cáp có hiện tượng lão hóa kết hợp lắp bổ sung hộp domino, thay trụ điện thấp, lắp đà sắt để đảm bảo khoảng cách an toàn theo quy định; Tăng cường 1 nắp 4x95mm ² để giảm tải lưới hạ thế,
27	SAU THOC 2					
		trạm	205/1 8	Bình Trị Đông	150	Thay 3 nắp 4x95mm ² vận hành lâu năm cáp có hiện tượng lão hóa kết hợp lắp bổ sung hộp domino, thay trụ điện thấp, lắp đà sắt để đảm bảo khoảng cách an toàn theo quy định; Tăng cường 1 nắp 4x95mm ² để giảm tải lưới hạ thế,
		159	190	Bình Trị Đông	150	Thay 1 nắp 4x95mm ² vận hành lâu năm cáp có hiện tượng lão hóa kết hợp lắp bổ sung hộp domino, thay trụ điện thấp, lắp đà sắt để đảm bảo khoảng cách an toàn theo quy định; Tăng

Stt	Tên trạm biến thế	Từ địa chỉ	Đến địa chỉ	Tên đường	Khoảng cách	Ghi chú
						cường 1 nắp 4x95mm2 để giảm tải lưới hạ thế,
		205/1	Cuối hẻm	Bình Trị Đông	60	Thay 2 nắp 4x95mm2 vận hành lâu năm cáp có hiện tượng lão hóa kết hợp lắp bổ sung hộp domino, thay trụ điện thấp, lắp đà sắt để đảm bảo khoảng cách an toàn theo quy định; Tăng cường 1 nắp 4x95mm2 để giảm tải lưới hạ thế,
		205/5	Cuối hẻm	Bình Trị Đông	100	Thay 1 nắp 4x95mm2 vận hành lâu năm cáp có hiện tượng lão hóa kết hợp lắp bổ sung hộp domino, thay trụ điện thấp, lắp đà sắt để đảm bảo khoảng cách an toàn theo quy định
		205/7	Cuối hẻm	Bình Trị Đông	80	Thay 1 nắp 4x95mm2 vận hành lâu năm cáp có hiện tượng lão hóa kết hợp lắp bổ sung hộp domino, thay trụ điện thấp, lắp đà sắt để đảm bảo khoảng cách an toàn theo quy định
		205/16	Cuối hẻm	Bình Trị Đông	150	Thay 2 nắp 4x95mm2 vận hành lâu năm cáp có hiện tượng lão hóa kết hợp lắp bổ sung hộp domino, thay trụ điện thấp, lắp đà sắt để đảm bảo khoảng cách an toàn theo quy định
28	SAU THOC 3					
		trạm	122/6 6	Bình Trị Đông	150	Thay 1 nắp 4x95mm2 vận hành lâu năm cáp có hiện tượng lão hóa kết hợp lắp bổ sung hộp domino, thay trụ điện thấp, lắp đà sắt để đảm bảo khoảng cách an toàn theo quy định; Tăng cường 1 nắp 4x95mm2 để giảm tải lưới hạ thế,
		trạm	126/1/ 14	Bình Trị Đông	180	Thay 2 nắp 4x95mm2 vận hành lâu năm cáp có hiện tượng lão hóa kết hợp lắp bổ sung hộp domino, thay trụ điện thấp, lắp đà sắt để đảm bảo khoảng cách an toàn theo quy định
		126/1/14	Cuối hẻm	Bình Trị Đông	120	Thay 1 nắp 4x95mm2 vận hành lâu năm cáp có hiện tượng lão hóa kết hợp lắp bổ sung hộp domino, thay trụ điện thấp, lắp đà sắt để đảm bảo khoảng cách an toàn theo quy định; Tăng

Stt	Tên trạm biến thế	Từ địa chỉ	Đến địa chỉ	Tên đường	Khoảng cách	Ghi chú
						cường 1 nắp 4x95mm ² để giảm tải lưới hạ thế,
		trạm	124	Bình Trị Đông	160	Thay 1 nắp 4x95mm ² vận hành lâu năm cáp có hiện tượng lão hóa kết hợp lắp bổ sung hộp domino, thay trụ điện thấp, lắp đà sắt để đảm bảo khoảng cách an toàn theo quy định; Tăng cường 1 nắp 4x95mm ² để giảm tải lưới hạ thế,
		124	Cuối hẻm	Bình Trị Đông	120	Thay 1 nắp 4x95mm ² vận hành lâu năm cáp có hiện tượng lão hóa kết hợp lắp bổ sung hộp domino, thay trụ điện thấp, lắp đà sắt để đảm bảo khoảng cách an toàn theo quy định
		124/31	Cuối hẻm	Bình Trị Đông	140	Thay 1 nắp 4x95mm ² vận hành lâu năm cáp có hiện tượng lão hóa kết hợp lắp bổ sung hộp domino, thay trụ điện thấp, lắp đà sắt để đảm bảo khoảng cách an toàn theo quy định
29	HUONG LO 2/551					
		trạm	595	Hương Lộ 2	150	Thay 1 nắp 4x95mm ² vận hành lâu năm cáp có hiện tượng lão hóa kết hợp lắp bổ sung hộp domino, thay trụ điện thấp, lắp đà sắt để đảm bảo khoảng cách an toàn theo quy định; Tăng cường 1 nắp 4x95mm ² để giảm tải lưới hạ thế,
		trạm	531	Hương Lộ 2	160	Thay 1 nắp 4x95mm ² vận hành lâu năm cáp có hiện tượng lão hóa kết hợp lắp bổ sung hộp domino, thay trụ điện thấp, lắp đà sắt để đảm bảo khoảng cách an toàn theo quy định; Tăng cường 1 nắp 4x95mm ² để giảm tải lưới hạ thế,
		541	Cuối hẻm	Hương Lộ 2	120	Thay 1 nắp 4x95mm ² vận hành lâu năm cáp có hiện tượng lão hóa kết hợp lắp bổ sung hộp domino, thay trụ điện thấp, lắp đà sắt để đảm bảo khoảng cách an toàn theo quy định
		trạm	551/3 0	Hương Lộ 2	120	Thay 3 nắp 4x95mm ² vận hành lâu năm cáp có hiện tượng lão hóa kết hợp lắp bổ sung hộp domino, thay trụ điện thấp, lắp

Stt	Tên trạm biến thế	Từ địa chỉ	Đến địa chỉ	Tên đường	Khoảng cách	Ghi chú
						đà sắt để đảm bảo khoảng cách an toàn theo quy định
		551/30	Cuối hẻm	Hương Lộ 2	80	Cải tạo, thay dây mắc điện thành 1 nấp 4x95mm ²
		551/32	Cuối hẻm	Hương Lộ 2	30	Cải tạo, thay dây mắc điện thành 1 nấp 4x95mm ²

Tăng cường cáp ABC 4x95 mm² chia tải cho lộ ra có tải trên 120A

TT	Tên Trạm	Từ địa chỉ	Đến địa chỉ	Chiều dài	Số nấp ABC 4x95 mm ² tăng cường	Số nấp ABC 4x95 mm ² thay mới	Ghi chú
1	HƯƠNG LỘ 2/730	Trạm	730/1 Hương Lộ 2	200	1		Chia tải Tập Đoàn 9/3
2	Hương Lộ 2/879	879/10 Hương Lộ 2	842 Hương Lộ 2	130	2		Chia tải trạm Hương Lộ 2/13
3	Hương Lộ 2/13	Trạm	842 Hương Lộ 2	30	2		Chia tải trạm Hương Lộ 2/879 (1x560 kVA) đầy tải
4	AO DOI 16	Trạm	Trụ L-ML/62T	185	1		LHT đầy tải
5	HUONG LO 2/5B2	Trạm	822/23/50A Hương Lộ 2	250	1		LHT đầy tải
6	THONG VAN 3	Trạm	10/7 Bến Lội (hẻm 22 Bến Lội)	250	1		LHT đầy tải
7	HUONG LO 2/7	trạm	cuối hẻm 986	250	2		LHT đầy tải
8	HUONG LO 2/5E	Trạm	815/4/62 Hương Lộ 2	125	1		LHT tróc vỏ
9	XA LO 6/3	Trạm	51/16 Đường số 18B	195	1		LHT đầy tải
10	HUONG LO 2/9B	Trạm	688/4	150		2	Thay cáp vận hành lâu năm
11	HUONG LO 2/9B	Trạm	688/2/1/102	250		1	Thay cáp vận hành lâu năm
12	HUONG LO 2/9B	Trạm	688/2/39	130		1	Thay cáp vận hành lâu năm
13	THAI SON 5/2	Trạm	363/25 Bình Trị Đông	245		2	Thay cáp vận hành lâu năm
14	HUONG LO 2/6A	Trạm	963/1/8/22 Hương Lộ 2	240	1		LHT đầy tải
15	HUONG LO 2/12	Trạm	879/20/10 Hương Lộ 2	200	1		LHT đầy tải
16	HUONG LO 2/918	Trạm	916/32 Hương Lộ 2	75	1		LHT đầy tải
17	HUONG LO 2/758	Trạm	752/33 Hương lộ 2(hẻm	120	1		LHT đầy tải

TT	Tên Trạm	Từ địa chỉ	Đến địa chỉ	Chiều dài	Số nắp ABC 4x95 mm2 tăng cường	Số nắp ABC 4x95 mm2 thay mới	Ghi chú
			758)				
18	HUONG LO 2/650	Trạm	650/33 Hương Lộ 2	110	1		LHT đầy tải
19	HUONG LO 2/9	Trạm	747 Hương Lộ 2	95	1		LHT đầy tải
20	HUONG LO 2/10A	Trạm	413/92 Lê Văn Quới	120	1		LHT đầy tải
21	DUONG SU 2	Trạm	Hướng Vào Hẻm Nước 12k	250	1		LHT đầy tải
22	THAI SON 5	Trạm	363/28 Đất Mới hướng về Tập Đoàn 9/2	45	1		LHT đầy tải
23	THAI SON 5	Trạm	688/32 HƯƠNG LỘ 2 hướng về trạm HL2/688/16	155	1		LHT đầy tải
24	SAU THOC 2	Trạm	205/11 Đất Mới	140	1		LHT đầy tải
25	HUONG LO 2/9D	Trạm	338/53 Chiến Lược	170	1		LHT đầy tải
26	DUONG SU 5	Trạm	115/53 Lê Văn Quới	180	1		LHT đầy tải
27	LE VAN QUOI 413	Trạm	427/52 Lê Văn Quới	220	1		LHT đầy tải
28	DUONG SU 2/4	Trạm	365/40/6 Lê Văn Quới	150	1		LHT đầy tải
29	BA CHU	trạm	9/14 Trương Phước Phan	140	1		LHT đầy tải
30	TAN KHAI 3	trạm	596 Hương Lộ 2 Khu Phố 6	170	2		Chia tải Hương Lộ 2/2A
31	BINH TRI 1/2A	trạm	588/75 Tỉnh Lộ 10	250		2	Thay lưới hạ thế lâu năm
32	HUU NGHIA 1/2	trạm	56/53 LK 10-11	200		2	Thay lưới hạ thế lâu năm
33	HUONG LO 2/688/16	Trạm	688/19 Hương Lộ 2	230		2	Thay lưới hạ thế lâu năm

a.3 Thay trụ nghiêng, thấp, trụ dưới lòng đường

STT	ĐỊA CHỈ	TÊN ĐƯỜNG	TRẠM	SỐ LƯỢNG	GHI CHÚ
	Tổng Cộng			35	
1	272/9	BTĐ	Thái Sơn 1/2	1	
2	325/4	BTĐ	Thái Sơn 1	1	
3	158/2	Mã Lò	Mã Lò 156	1	
4	137/11/4	Phan Anh	Hữu Nghĩa 1	1	

STT	ĐỊA CHỈ	TÊN ĐƯỜNG	TRẠM	SỐ LƯỢNG	GHI CHÚ
5	688/55A	Hương Lộ 2	Hương Lộ 2/9B	1	
6	594/27	Hương Lộ 2	Hương lộ 2/2A	1	
7	Kê 468/6/5/1	Tân Hoà Đông	Hai Tha 3	1	
8	445/25	Tân Hoà Đông	Hai Tha 3	1	
9	347	Lê Văn Quới	Đường Sứ 2	1	
10	334	Tân Hoà Đông	Độc Phủ 3	1	
11	365	Tân Hoà Đông	Độc Phủ 3	1	
12	286/21/47	Chiến Lược	Chợ Bình Trị 1/2	1	
13	Đd 38/13	Đất Mới (BTĐ)	Chợ Bình Trị	1	
14	114/8/29/9	Chiến Lược	Bờ Cộ 4/2	1	
15	114/8/29/7	Chiến Lược	Bờ Cộ 4/2	1	
16	114/53	Chiến Lược	Bờ Cộ 4/2	1	
17	381/20/25	Tân Hoà Đông	Bờ Cộ 4/2	1	
18	103A	Chiến Lược	Bờ Cộ 4	1	
19	Đd 194/38 (194/2/5A)	Chiến Lược	Bờ Cộ 1/2	1	
20	79/1	Phan Anh	Bảo Hưng	1	
21	320/14	Tỉnh Lộ 10	Bà Hom 2	1	
22	324/5	Tỉnh Lộ 10	Bà Hom 2	1	
23	479/36	Hương Lộ 2	Hương Lộ 2/1D	1	
24	228	Mã Lò	Mã Lò 3/2	1	
25	879/32/1	Hương Lộ 2	Hương Lộ 2/879	1	
26	963/1/8/16	Hương Lộ 2	Hương Lộ 2/6A	1	
27	977/29	Hương Lộ 2	Hương Lộ 2/6	1	
28	977/2	Hương Lộ 2	Hương Lộ 2/6	1	
29	822/9	Hương Lộ 2	Hương Lộ 2/5B	1	
30	1	Nguyễn Triệu Luật	Xa Lộ 1	1	
31	117/15E	Hồ văn Long	Văn Long 4	1	
32	25/14	Hồ Văn Long	Văn Long 1/3	1	
33	30	Hồ văn Long	Văn Long 1	1	
34	1658/5/2/1A	Tỉnh Lộ 10	Tân Tạo 8/3	1	
35	1788/19/14	Tỉnh Lộ 10	Tân Tạo 8/3	1	

a.4 Thay trụ nghiêng, thấp, trụ dưới lòng đường

STT	ĐỊA CHỈ	TÊN ĐƯỜNG	TRẠM	Trụ BTLT 8.5	Trụ BTLT 10	Ghi chú
	Tổng cộng			321	21	
1	6	Đường Số 10	Hòa Bình 1/2	1		
2	23/2D	Đường Số 4	Hai Chua	1		
3	25	Đường Số 4	Hai Chua	1		
4	49/87	Đường Số 4	Hai Chua 1/3	1		
5	58B	Đường Số 4	Hai Chua 1/3	1		
6	Đổi diện 49/32	Đường Số 4	Hai Chua 1/3	1		
7	Đổi diện 49/95	Đường Số 4	Hai Chua 1/3	1		
8	12/1A	Đường Số 6	Hai Chua	1		

STT	ĐỊA CHỈ	TÊN ĐƯỜNG	TRẠM	Tru BTLT 8.5	Tru BTLT 10	Ghi chú
9	Kê hẻm 12	Đường Số 6	Hai Chua	1		
10	24B	Đường Số 8	Hai Chua 3	1		
11	28	Đường Số 8	Năm Quẹo 9	1		
12	40	Đường Số 8	Năm Quẹo 9	1		
13	8/1	Đường Số 8	Hai Chua 3	1		
14	8/11	Đường Số 8	Hai Chua 3	1		
15	120/22	Lê Văn Quới	Lê Văn Quới 120	1		
16	669/18	An Dương Vương	Da Xà 2	1		
17	669/28/1	An Dương Vương	Da Xà 2	1		
18	695/9/20A	An Dương Vương	Da Xà	1		
19	699/5	An Dương Vương	Da Xà	1		
20	10/12	Chiến Lược	Bờ Cộ 5	1		
21	10/1A	Chiến Lược	Bờ Cộ 5	1		
22	10/23	Chiến Lược	Bờ Cộ 5	1		
23	10/23/10	Chiến Lược	Bờ Cộ 5	1		
24	10/23/18	Chiến Lược	Bờ Cộ 5	1		
25	103/84/7	Chiến Lược	Bờ Cộ 6/2	1		
26	146/2/4	Chiến Lược	Bờ Cộ 2/2	1		
27	146/2/5	Chiến Lược	Bờ Cộ 2/2	1		
28	156/46	Chiến Lược	Bờ Cộ 2	1		
29	182/109	Chiến Lược	Bờ Cộ 7	1		
30	182/69/14	Chiến Lược	Bờ Cộ 7	1		
31	182/69/3	Chiến Lược	Bờ Cộ 7	1		
32	212/53	Chiến Lược	Bờ Cộ 1	1		
33	231/4	Chiến Lược	Bờ Cộ 1	1		
34	231/6	Chiến Lược	Bờ Cộ 1	1		
35	231/9/5	Chiến Lược	Ba Chu	1		
36	265	Chiến Lược	Bờ Cộ 1	1		
37	289	Chiến Lược	Bờ Cộ 1	1		
38	5	Chiến Lược	Bờ Cộ 8	1		
39	51/2	Chiến Lược	Bờ Cộ 3	1		
40	77/2	Chiến Lược	Bờ Cộ 3/2	1		
41	83	Chiến Lược	Bờ Cộ 3	1		
42	93/15	Chiến Lược	Bờ Cộ 3	1		
43	95/20/22	Chiến Lược	Bờ Cộ 4/3	1		
44	Kê 212/2	Chiến Lược	Bờ Cộ 1	1		
45	122/21	Đất Mới	Sáu Thóc 3	1		
46	122/52	Đất Mới	Sáu Thóc 3	1		
47	122/62	Đất Mới	Sáu Thóc 3	1		
48	124/31/18/1	Đất Mới	Sáu Thóc 3	1		
49	124/31/28/4	Đất Mới	Sáu Thóc 3	1		
50	124/31/30	Đất Mới	Sáu Thóc 3	1		
51	124/31/8/14	Đất Mới	Sáu Thóc 3	1		
52	124/34A	Đất Mới	Sáu Thóc 3	1		

STT	ĐỊA CHỈ	TÊN ĐƯỜNG	TRẠM	Tru BTLT 8.5	Tru BTLT 10	Ghi chú
53	126/1/13/2	Đất Mới	Sáu Thốc 3	1		
54	168/9/2	Đất Mới	Hương Lộ 2/8A	1		
55	168/9/6	Đất Mới	Hương Lộ 2/8A	1		
56	Đổi diện 126/1/135/5	Đất Mới	Sáu Thốc 3	1		
57	Kê 126/1/13	Đất Mới	Sáu Thốc 3	1		
58	54/42/1	Đình Nghi Xuân	Nghi Xuân 4	1		
59	54/60	Đình Nghi Xuân	Nghi Xuân 4	1		
60	29/5/4	Đình Tân Khai	Tân Khai 3	1		
61	449/66/23	Hương Lộ 2	Hương Lộ 2/1C	1		
62	457/50	Hương Lộ 2	Hương Lộ 2/1	1		
63	460/15/10	Hương Lộ 2	Hương Lộ 2/1A	1		
64	479/22	Hương Lộ 2	Hương Lộ 2/1D	1		
65	484	Hương Lộ 2	Hương Lộ 2/486	1		
66	502/2	Hương Lộ 2	Hương Lộ 2/2	1		
67	511	Hương Lộ 2	Hương Lộ 2/513B	1		
68	551/22/5	Hương Lộ 2	Hương Lộ 2/551	1		
69	639/134	Hương Lộ 2	Đất Mới 168	1		
70	639/73/13A	Hương Lộ 2	Đất Mới 168	1		
71	639/73/4/15	Hương Lộ 2	Sáu Thốc 3	1		
72	639/73/4/19	Hương Lộ 2	Sáu Thốc 3	1		
73	Kê 469	Hương Lộ 2	Hương Lộ 2/1	1		
74	Kê 502/2	Hương Lộ 2	Hương Lộ 2/2	1		
75	Sau 511	Hương Lộ 2	Hương Lộ 2/513B	1		
76	103/1/4	Lê Văn Quới	Hương Lộ 2/1A	1		
77	145/42/6/11	Lê Văn Quới	Hương Lộ 2/2B	1		
78	1/10	Liên Khu 16-18	Bình Trị 2	1		
79	63/16	Liên Khu 16-18	Ba Chu 2	1		
80	63/27	Liên Khu 16-18	Ba Chu 2	1		
81	72/37B	Liên Khu 16-18	Bình Trị 2/2	1		
82	72/51	Liên Khu 16-18	Ba Chu 3	1		
83	72/51B	Liên Khu 16-18	Ba Chu 3	1		
84	82/17	Liên Khu 16-18	Bình Trị 2/2	1		
85	82/2	Liên Khu 16-18	Bình Trị 2/2	1		
86	92/7	Liên Khu 16-18	Bình Trị 2/2	1		

STT	ĐỊA CHỈ	TÊN ĐƯỜNG	TRẠM	Tru BTLT 8.5	Tru BTLT 10	Ghi chú
87	Kê số 81/2	Liên Khu 16-18	Bình Trị 2/2	1		
88	143/23/2L	Phan Anh	Quang Vũ 4	1		
89	273/6/1/15	Tân Hòa Đông	Độc Phủ 4	1		
90	273/6/4/14	Tân Hòa Đông	Độc Phủ 4	1		
91	103/16/23/38	Tỉnh Lộ 10	Bình Trị 10/3	1		
92	530/17/6	Tỉnh Lộ 10	Bình Trị 10/3	1		
93	530/2/26	Tỉnh Lộ 10	Bình Trị 10/2	1		
94	588/38	Tỉnh Lộ 10	Bình Trị 1/2A	1		
95	700/4	Tỉnh Lộ 10	Bình Trị 2	1		
96	702	Tỉnh Lộ 10	Bình Trị 2	1		
97	702/2	Tỉnh Lộ 10	Bình Trị 2	1		
98	766/11A	Tỉnh Lộ 10	Bình Trị 3/3	1		
99	21/1	Trương Phước Phan	Phạm Dân 1	1		
100	23	Trương Phước Phan	Phạm Dân 1	1		
101	43/4	Trương Phước Phan	Ba Chu	1		
102	43/6B	Trương Phước Phan	Ba Chu	1		
103	49	Trương Phước Phan	Ông Ngợi 2	1		
104	49/4	Trương Phước Phan	Ông Ngợi 2	1		
105	56/11	Trương Phước Phan	Ba Chu	1		
106	62/5/61	Trương Phước Phan	Phạm Dân 2	1		
107	63/3/9	Trương Phước Phan	Phạm Dân 1/2	1		
108	63/6/14	Trương Phước Phan	Phạm Dân 1/2	1		
109	81	Trương Phước Phan	Ba Chu	1		
110	9/12	Trương Phước Phan	Ba Chu	1		
111	9/18/6	Trương Phước Phan	Ba Chu	1		
112	9/8	Trương Phước Phan	Ba Chu	1		
113	9/8/15	Trương Phước Phan	Ba Chu	1		
114	9/9/8	Trương Phước Phan	Ba Chu	1		
115	Đã hẻm 15 (15E)	Ao Đôi	Mã Lò 5/2	1		
116	Đổi diện 15/30	Ao Đôi	Mã Lò 5/2	1		
117	44/11	Bình Trị Đông	Chợ Bình Trị	1		
118	44/19	Bình Trị Đông	Chợ Bình Trị	1		
119	322/43	Chiến Lược	Chợ Bình Trị 5	1		
120	338/156	Chiến Lược	Hương Lộ 2/9D	1		
121	338/162/24	Chiến Lược	Hương Lộ 2/9C	1		
122	344/45	Chiến Lược	Chợ Bình Trị 6	1		
123	353/12	Chiến Lược	Chợ Bình Trị 5	1		
124	407	Chiến Lược	Chợ Bình Trị 6	1		
125	Gần 312	Chiến Lược	Chợ Bình Trị 5	1		

STT	ĐỊA CHỈ	TÊN ĐƯỜNG	TRẠM	Tru BTLT 8.5	Tru BTLT 10	Ghi chú
126	309/2	Đất Mới	Thái Sơn 1	1		
127	363/59	Đất Mới	Thái Sơn 5	1		
128	Đôi diện 363/1/10	Đất Mới	Thái Sơn 5/2	1		
129	1009/6	Hương Lộ 2	Hương Lộ 2/7	1		
130	650/2	Hương Lộ 2	Hương Lộ 2/650	1		
131	704/27/2	Hương Lộ 2	Tập Đoàn 9	1		
132	725	Hương Lộ 2	Hương Lộ 2/741	1		
133	730/82	Hương Lộ 2	Hương Lộ 2/10A	1		
134	730/83	Hương Lộ 2	Hương Lộ 2/10A	1		
135	879/20/10/37	Hương Lộ 2	Tân Hội 2/2	1		
136	879/20/10/37/11	Hương Lộ 2	Tân Hội 2/2	1		
137	879/20/10/37/5	Hương Lộ 2	Tân Hội 2/2	1		
138	879/60	Hương Lộ 2	Hương Lộ 2/5C	1		
139	902/2	Hương Lộ 2	Hương Lộ 2/5A3	1		
140	918/30	Hương Lộ 2	Hương Lộ 2/918	1		
141	964/11/2	Hương Lộ 2	Hương Lộ 2/964/1	1		
142	971/15	Hương Lộ 2	Hương Lộ 2/7B	1		
143	971/24	Hương Lộ 2	Hương Lộ 2/7B	1		
144	985/71/12/1 (2)	Hương Lộ 2	Hương Lộ 2/7B	1		
145	Đôi diện 704/55D	Hương Lộ 2	Tập Đoàn 9/2	1		
146	Đôi diện 741A	Hương Lộ 2	Hương Lộ 2/741	1		
147	Đôi diện 879/32/8B	Hương Lộ 2	Hương Lộ 2/12	1		
148	Kê 704/8	Hương Lộ 2	Tập Đoàn 9/3	1		
149	381/31	Lê Văn Quới	Đường Sứ 2/4	1		
150	381/42	Lê Văn Quới	Đường Sứ 2/4	1		
151	381/43B	Lê Văn Quới	Đường Sứ 2/4	1		
152	381/55	Lê Văn Quới	Đường Sứ 2/4	1		
153	413/57/3	Lê Văn Quới	Đường Sứ 2/3A	1		
154	Đôi diện 381/23/6/29	Lê Văn Quới	Đường Sứ 2/4	1		
155	276/17/44	Mã Lò	Mã Lò 4/2	1		
156	310/10/7/10	Mã Lò	Mã Lò 4/3	1		

STT	ĐỊA CHỈ	TÊN ĐƯỜNG	TRẠM	Tru BTLT 8.5	Tru BTLT 10	Ghi chú
157	343/27/40/8	Mã Lò	Hương Lộ 2/812	1		
158	413/56/29/35	Mã Lò	Mã Lò 276/37	1		
159	441/112/3	Mã Lò	Mã Lò 4/3	1		
160	441/112/9	Mã Lò	Mã Lò 4/3	1		
161	1045	Quốc Lộ 1A	Xa Lộ 5/2	1		
162	881/18/2	Quốc Lộ 1A	Xa Lộ 6/3	1		
163	881/18A	Quốc Lộ 1A	Xa Lộ 6/3	1		
164	881/4/2	Quốc Lộ 1A	Xa lộ 5/3A	1		
165	881/4/8	Quốc Lộ 1A	Xa lộ 5/3A	1		
166	Đôi diện 881/13	Quốc Lộ 1A	Xa lộ 5/3A	1		
167	Đôi diện 881/18/3	Quốc Lộ 1A	Xa Lộ 6/3	1		
168	588/27/22A	Tỉnh Lộ 10	Bình Trị 1/2A	1		
169	650/20	Hương Lộ 2	Hương Lộ 2/650	1		
170	Gần 111/101	Đường Số 1 (hẻm 120)	Lê Văn Quới 120	1		
171	56	Đường Số 6	Hai Chua 2/5	1		
172	40/15	Đường Số 8	Hòa Bình 2	1		
173	7/4	Đường Số 8	Hòa Bình 2	1		
174	8/1 (1)	Đường Số 8	Hai Chua 3	1		
175	8/5	Đường Số 8	Hai Chua 3	1		
176	Kê 40/5	Đường Số 8	Hòa Bình 2	1		
177	120/25/14/3A	Lê Văn Quới (hẻm 120)	Lê Văn Quới 120	1		
178	59	Miêu Bình Đông	Tư Vĩnh	1		
179	91/4	Miêu Bình Đông	Tư Vĩnh	1		
180	Kê 4E		Hòa Bình 1	1		
181	205	Chiến Lược	Đất Mới	1		
182	77/28/27	Chiến Lược	Bờ Cộ 3/2	1		
183	95/6	Chiến Lược	Bờ Cộ 4	1		
184	168/68	Đất Mới	Đất Mới 168	1		
185	98/46/1	Đất Mới	Đất Mới 116	1		
186	Kê 168/1	Đất Mới	Hương Lộ 2/8A	1		
187	449/82	Hương Lộ 2	Hương Lộ 2/1C	1		
188	452	Hương Lộ 2	Hương Lộ 2/1D	1		
189	490/49/10	Hương Lộ 2	Hương Lộ 2/2B	1		
190	520/10A	Hương Lộ 2	Hương Lộ 2/11	1		
191	145/42/13	Lê Văn Quới	Hương Lộ 2/2B	1		
192	63/1	Liên Khu 16-18	Ba Chu 2	1		

STT	ĐỊA CHỈ	TÊN ĐƯỜNG	TRẠM	Tru BTLT 8.5	Tru BTLT 10	Ghi chú
193	Đôi diện 101	Liên Khu 16-18	Đất Mới	1		
194	137/77/10	Phan Anh	Hữu Nghĩa 4	1		
195	99/2A	Phan Anh	Trạm tại số 99/2C	1		
196	372/33	Tỉnh Lộ 10	Quyết Thắng 1	1		
197	24	Trương Phước Phan	Ông Ngợi 3	1		
198	24/4	Trương Phước Phan	Ông Ngợi 3	1		
199	24/8/4A	Trương Phước Phan	Phạm Dân 1	1		
200	62/16	Trương Phước Phan	Đất Mới 168	1		
201	44/1 (1)	Ao Đồi	Ao Đồi 58	1		
202	54/11	Ao Đồi	Ao Đồi 58	1		
203	54/3	Ao Đồi	Ao Đồi 58	1		
204	83	Ao Đồi	Xa Lộ 6	1		
205	Đầu hẻm 97	Ao Đồi	Xa Lộ 6/2	1		
206	Gần 53/6A	Ao Đồi	Mã Lò 5/3	1		
207	286/24	Chiến Lược	Chợ Bình Trị 4/2	1		
208	338/114	Chiến Lược	Hương Lộ 2/9D	1		
209	338/120	Chiến Lược	Hương Lộ 2/9D	1		
210	338/126	Chiến Lược	Hương Lộ 2/9D	1		
211	338/142	Chiến Lược	Hương Lộ 2/9D	1		
212	338/142F	Chiến Lược	Hương Lộ 2/9D	1		
213	338/148	Chiến Lược	Hương Lộ 2/9D	1		
214	338/151C	Chiến Lược	Hương Lộ 2/9D	1		
215	338/160/11	Chiến Lược	Hương Lộ 2/9C	1		
216	338/160/7C	Chiến Lược	Hương Lộ 2/9C	1		
217	338/160/9C	Chiến Lược	Hương Lộ 2/9C	1		
218	338/162/12	Chiến Lược	Hương Lộ 2/9C	1		
219	338/162/19	Chiến Lược	Hương Lộ 2/9C	1		
220	338/162/33	Chiến Lược	Hương Lộ 2/9C	1		
221	338/162/53	Chiến Lược	Hương Lộ 2/9C	1		

STT	ĐỊA CHỈ	TÊN ĐƯỜNG	TRẠM	Tru BTLT 8.5	Tru BTLT 10	Ghi chú
222	338/163/47	Chiến Lược	Hương Lộ 2/9C	1		
223	340	Chiến Lược	Chợ Bình Trị 5	1		
224	344/87	Chiến Lược	Hương Lộ 2/9D	1		
225	Kê 338/136	Chiến Lược	Hương Lộ 2/9D	1		
226	363/1	Đất Mới	Thái Sơn 5/2	1		
227	363/21	Đất Mới	Thái Sơn 5/2	1		
228	363/21/50	Đất Mới	Thái Sơn 5/2	1		
229	363/25	Đất Mới	Thái Sơn 5	1		
230	363/3	Đất Mới	Thái Sơn 5/2	1		
231	363/38/30	Đất Mới	Đường Sứ 2/4	1		
232	363/41	Đất Mới	Thái Sơn 5	1		
233	363/47	Đất Mới	Thái Sơn 5	1		
234	363/57	Đất Mới	Thái Sơn 5	1		
235	363/7	Đất Mới	Thái Sơn 5/2	1		
236	415	Đất Mới	Thái Sơn 2	1		
237	435	Đất Mới	Thái Sơn 3	1		
238	459	Đất Mới	Thái Sơn 3	1		
239	Đôi diện 325/2B	Đất Mới	Thái Sơn 1	1		
240	1004/6	Hương Lộ 2	Hương Lộ 2/7	1		
241	688/42	Hương Lộ 2	Thái Sơn 5	1		
242	688/49	Hương Lộ 2	Hương Lộ 2/9B	1		
243	688/71	Hương Lộ 2	Thái Sơn 5	1		
244	688/91/2A	Hương Lộ 2	Hương Lộ 2/9B	1		
245	704/27/6	Hương Lộ 2	Tập Đoàn 9	1		
246	741/1/58	Hương Lộ 2	Hương Lộ 2/741	1		
247	741/25	Hương Lộ 2	Hương Lộ 2/741	1		
248	759/13/5	Hương Lộ 2	Võ Hồng Sơn	1		
249	759/5/1	Hương Lộ 2	Võ Hồng Sơn	1		
250	759/5/20/65	Hương Lộ 2	Võ Hồng Sơn	1		
251	815/10	Hương Lộ 2	Hương Lộ 2/815/3	1		
252	815/4/7/30	Hương Lộ 2	Hương Lộ 2/815	1		
253	815/4/7/44	Hương Lộ 2	Hương Lộ 2/815	1		
254	815/4/7/56	Hương Lộ 2	Hương Lộ 2/815	1		
255	840/7	Hương Lộ 2	Hương Lộ	1		

STT	ĐỊA CHỈ	TÊN ĐƯỜNG	TRẠM	Tru BTLT 8.5	Tru BTLT 10	Ghi chú
			2/813			
256	878/10	Hương Lộ 2	Nhật Tân	1		
257	879/20/10/25	Hương Lộ 2	Hương Lộ 2/5C	1		
258	920	Hương Lộ 2	Hương Lộ 2/6B	1		
259	964/46	Hương Lộ 2	Hương Lộ 2/964	1		
260	Đầu hẻm 964	Hương Lộ 2	Hương Lộ 2/964/1	1		
261	Đôi diện 704/55F	Hương Lộ 2	Tập Đoàn 9/2	1		
262	Đôi diện 951/18	Hương Lộ 2	Hương Lộ 2/6A	1		
263	Kế 688/32	Hương Lộ 2	Thái Sơn 5	1		
264	Kế 688/41/6	Hương Lộ 2	Hương Lộ 2/9B	1		
265	365/30	Lê Văn Quới	Đường Sứ 2	1		
266	365/48A	Lê Văn Quới	Đường Sứ 2	1		
267	365/6	Lê Văn Quới	Đường Sứ 2	1		
268	381/28	Lê Văn Quới	Đường Sứ 2/4	1		
269	381/30	Lê Văn Quới	Đường Sứ 2/4	1		
270	381/6	Lê Văn Quới	Đường Sứ 2/4	1		
271	389/12	Lê Văn Quới	Đường Sứ 2	1		
272	389/18	Lê Văn Quới	Đường Sứ 2	1		
273	389/2	Lê Văn Quới	Đường Sứ 2	1		
274	389/30	Lê Văn Quới	Đường Sứ 2	1		
275	413/41/3	Lê Văn Quới	Đường Sứ 2/3B	1		
276	413/79	Lê Văn Quới	Đường Sứ 2/3A	1		
277	427/11	Lê Văn Quới	Lê Văn Quới 413	1		
278	427/17A	Lê Văn Quới	Lê Văn Quới 413	1		
279	427/29	Lê Văn Quới	Lê Văn Quới 413	1		
280	427/37	Lê Văn Quới	Lê Văn Quới 413	1		
281	427/43	Lê Văn Quới	Lê Văn Quới 413	1		
282	427/5	Lê Văn Quới	Lê Văn Quới 413	1		
283	439/45C	Lê Văn Quới	Mã Lò 4/5	1		
284	439/51	Lê Văn Quới	Mã Lò 4/5	1		
285	439/90	Lê Văn Quới	Mã Lò 4/5	1		
286	441/17	Lê Văn Quới	Mã Lò 4/5	1		

STT	ĐỊA CHỈ	TÊN ĐƯỜNG	TRẠM	Tru BTLT 8.5	Tru BTLT 10	Ghi chú
287	441/68	Lê Văn Quới	Mã Lò 4/5	1		
288	473/10	Lê Văn Quới	Đường Sứ 1	1		
289	473/20	Lê Văn Quới	Đường Sứ 1	1		
290	483/17	Lê Văn Quới	Đường Sứ 1	1		
291	483/2	Lê Văn Quới	Đường Sứ 1	1		
292	483/40	Lê Văn Quới	Mã Lò 4/3	1		
293	483/50	Lê Văn Quới	Mã Lò 4/3	1		
294	Đôi diện 365/11	Lê Văn Quới	Đường Sứ 2	1		
295	Đôi diện 365/3A	Lê Văn Quới	Đường Sứ 2	1		
296	Đôi diện 483/82	Lê Văn Quới	Mã Lò 4/3	1		
297	Kế 441/56	Lê Văn Quới	Mã Lò 4/5	1		
298	Kế 483/38	Lê Văn Quới	Mã Lò 4/3	1		
299	186	Mã Lò	Hương Lộ 2/4	1		
300	216	Mã Lò	Mã Lò 3	1		
301	243/36/41	Mã Lò	Mã Lò 243	1		
302	266	Mã Lò	Mã Lò 3/3	1		
303	276/17/12	Mã Lò	Mã Lò 4/2	1		
304	276/17/2A	Mã Lò	Mã Lò 4/2	1		
305	276/24	Mã Lò	Mã Lò 4/2	1		
306	276/9/7	Mã Lò	Mã Lò 4/2	1		
307	310/9/2	Mã Lò	Mã Lò 4/3	1		
308	331	Mã Lò	Mã Lò 333	1		
309	346/13/11	Mã Lò	Mã Lò 333	1		
310	Đôi diện 276/9/6	Mã Lò	Mã Lò 4/2	1		
311	Đôi diện 310/10/4	Mã Lò	Mã Lò 4/3	1		
312	Đôi diện 310/22	Mã Lò	Mã Lò 4/3	1		
313	Đôi diện 310/6A	Mã Lò	Mã Lò 4/3	1		
314	Gần 346/8/4	Mã Lò	Mã Lò 333	1		
315	1015	Quốc Lộ 1A	Xa Lộ 5/2	1		
316	881/19	Quốc Lộ 1A	Xa lộ 5/3A	1		
317	881/43B	Quốc Lộ 1A	Xa lộ 6/3	1		
318	Đôi diện 881/25A	Quốc Lộ 1A	Xa lộ 6/3	1		
319	372/22	Tỉnh Lộ 10	Quyết Thắng 1	1		
320	496/2	Tỉnh Lộ 10	Quyết Thắng 2	1		
321	344	Mã Lò	Mã Lò 333	1		
322	Đôi diện 338/172	Chiến Lược	Hương Lộ 2/9		1	
323	Đôi diện 413/41/20	Lê Văn Quới	Đường Sứ 2/3B		1	
324	338/16	Chiến Lược	Hương Lộ 2/9C		1	
325	338/162/3	Chiến Lược	Hương Lộ 2/9C		1	
326	338/172/7	Chiến Lược	Hương Lộ 2/9		1	
327	161/23	Đất Mới	Đất Mới 161		1	

STT	ĐỊA CHỈ	TÊN ĐƯỜNG	TRẠM	Tru BTLT 8.5	Tru BTLT 10	Ghi chú
328	205/1/1B	Đất Mới	Sáu Thóc 2		1	
329	205/1/3	Đất Mới	Sáu Thóc 2		1	
330	205/16/17	Đất Mới	Sáu Thóc 2		1	
331	205/16/27	Đất Mới	Sáu Thóc 2		1	
332	205/16/33	Đất Mới	Sáu Thóc 2		1	
333	205/5/6B	Đất Mới	Sáu Thóc 2		1	
334	219	Đất Mới	Sáu Thóc 2		1	
335	223	Đất Mới	Sáu Thóc 2		1	
336	Đổi diện 205/1/4	Đất Mới	Sáu Thóc 2		1	
337	759/5/19	Hương Lộ 2	Võ Hồng Sơn		1	
338	985/71/12/1 (1)	Hương Lộ 2	Hương Lộ 2/7B		1	
339	381/23/5	Lê Văn Quới	Đường Sứ 2/4		1	
340	413/56	Lê Văn Quới	Đường Sứ 2/3A		1	
341	Đổi diện 381/22	Lê Văn Quới	Đường Sứ 2/4		1	
342	Đổi diện 310/30A	Mã Lò	Mã Lò 4/3		1	

a.5 Thu hồi trụ không sử dụng

STT	Từ Khu vực/Vị trí	Đường	Tên trạm	BTLT 6m	BTLT 8.4m	BTLT 10m	BTLT 12m	Ghi chú
	TỔNG CỘNG			29	86	3	4	
1	102	Đường Số 4	Hai Chua 1/3	1				
2	80	Đường Số 4	Hai Chua 1/3	1				
3	86	Đường Số 4	Hai Chua 1/3	1				
4	90A	Đường Số 4	Hai Chua 1/3	1				
5	168/106	Đất Mới	Đất Mới 168	1				
6	168/11	Đất Mới	Hương Lộ 2/8A		1			
7	168/2/10	Đất Mới	Hương Lộ 2/8A	1				
8	168/2/6	Đất Mới	Hương Lộ 2/8A		1			
9	98/13	Đất Mới	Đất Mới 116		1			
10	98/45/1	Đất Mới	Đất Mới 116		1			
11	Đổi diện 126/1/9	Đất Mới	Sáu Thóc 3		1			
12	Đổi diện 98/27/1A	Đất Mới	Đất Mới 116		1			
13	451	Hương Lộ 2	Hương Lộ 2/1	1				
14	459/2	Hương Lộ 2	Hương Lộ 2/1	1				
15	490/37/30	Hương Lộ 2	Hương Lộ 2/2B	1				
16	543	Hương Lộ 2	Hương Lộ 2/551		1			
17	545A	Hương Lộ 2	Hương Lộ 2/551		1			
18	560B	Hương Lộ 2	Hương Lộ 2/11	1				
19	614A	Hương Lộ 2	Tân Khai 3		1			

STT	Từ Khu vực/Vị trí	Đường	Tên trạm	BTLT 6m	BTLT 8.4m	BTLT 10m	BTLT 12m	Ghi chú
20	624	Hương Lộ 2	Tân Khai 3		1			
21	639/71	Hương Lộ 2	Đất Mới 168		1			
22	639/73/6	Hương Lộ 2	Sáu Thóc 3	1				
23	639/75	Hương Lộ 2	Đất Mới 168	1				
24	639/75E	Hương Lộ 2	Đất Mới 168		1			
25	687	Hương Lộ 2	Hương Lộ 2/3	1				
26	26/8	Liên Khu 16-18	Bình Trị 2	1				
27	398/20	Tỉnh Lộ 10	Quyết Thắng 1		1			
28	530/1A	Tỉnh Lộ 10	Bình Trị 10/2		1			
29	530/3	Tỉnh Lộ 10	Bình Trị 10/2	1				
30	634	Tỉnh Lộ 10	Bình Trị 1		1			
31	674	Tỉnh Lộ 10	Bình Trị 2	1				
32	18	Trương Phước Phan	Ông Ngợi 4		1			
33	24/2	Trương Phước Phan	Ông Ngợi 3		1			
34	60/65/4	Trương Phước Phan	Ông Ngợi 1/2A	1				
35	97/4	Ao Đồi	Xa Lộ 6/2	1				
36	363	Chiến Lược	Chợ Bình Trị 5		1			
37	363/3	Chiến Lược	Chợ Bình Trị 5	1				
38	Gân 356	Chiến Lược	Chợ Bình Trị 6	1				
39	161/23 (1)	Đất Mới	Đất Mới 161		1			
40	363/21/44	Đất Mới	Thái Sơn 5/2	1				
41	Kê 316	Đất Mới	Mã Lò 4		1			
42	1013	Hương Lộ 2	Mỹ Lệ				1	
43	689	Hương Lộ 2	Hương Lộ 2/9	1				
44	707	Hương Lộ 2	Hương Lộ 2/9				1	
45	736	Hương Lộ 2	Hương Lộ 2/730		1			
46	843/37/16	Hương Lộ 2	Hương Lộ 2/5E	1				
47	879/20/10	Hương Lộ 2	Hương Lộ 2/879	1				
48	904	Hương Lộ 2	Nhật Tân		1			
49	948	Hương Lộ 2	Hương Lộ 2/6		1			
50	Đôi diện 703	Hương Lộ 2	Hương Lộ 2/9				1	
51	Đôi diện 919/32A	Hương Lộ 2	Hương Lộ 2/6B	1				
52	Đôi diện 919/34	Hương Lộ 2	Hương Lộ 2/6B		1			
53	Gân 40	Lê Đình Cẩn	Tân Hội 5	1				
54	381/23/6/19	Lê Văn Quới	Đường Sứ 2/4	1				
55	381/23/6/3	Lê Văn Quới	Đường Sứ 2/4	1				
56	109	Mã Lò	Mã Lò 117		1			
57	253	Mã Lò	Mã Lò 251				1	

STT	Từ Khu vực/Vị trí	Đường	Tên trạm	BTLT 6m	BTLT 8.4m	BTLT 10m	BTLT 12m	Ghi chú
58	256	Mã Lò	Mã Lò 3/3			1		
59	276/31B	Mã Lò	Mã Lò 4/2		1			
60	88/9	Mã Lò	Mã Lò 1/2	1				
61	93	Mã Lò	Mã Lò 117			2		
62	99	Mã Lò	Mã Lò 117		1			
63	Kế 276/35	Mã Lò	Mã Lò 4/2		1			
64	L-HL2/T7P	Mã Lò	Hương Lộ 2/4		1			
65	137/35	Phan Anh			1			
66	137/107A	Phan Anh			1			
67	344/67/4	Chiến Lược			1			
68	81	Ao Đôi			1			
69	81/3	Ao Đôi	Xa Lộ 6		1			
70	81/71	Ao Đôi	Xa Lộ 6		1			
71	44/1	Ao Đôi	Ao Đôi 58		1			
72	40	Ao Đôi	Mã Lò 5/3		1			
73	382/26	Chiến Lược	Mã Lò 2/5		1			
74	Đ diện 919/24A	Hương Lộ 2			1			
75	986	Hương Lộ 2			1			
76	L-ML/T1T	Mã Lò	Mã Lò 1		1			
77	98/2	Mã Lò	Mã Lò 1/2		1			
78	132/13/2	Mã Lò	Mã Lò 2/4		1			
79	243/36/17	Mã Lò	Mã Lò 243		1			
80	217	Mã Lò	Mã Lò 4/4		1			
81	L-ML/T53T	Mã Lò	Mã Lò 251		1			
82	Đường Liên Khu 10-11	Liên Khu 10-11			20			
83	Đình Nghi Xuân	Đình Nghi Xuân			15			
84	Hẻm 822	Hương Lộ 2			5			

b. Quy mô, khối lượng đầu tư:

+ Phần lưới hạ thế:

- Kéo mới đường dây hạ thế ABC 4x95 mm² nối 1 mạch: 2.240 mét
- Thay, tăng cường lên cáp ABC 4x95mm² đồng thời kết hợp lắp bổ sung hộp domino, cải tạo, phân bố khoảng cách lại trụ điện thấp, lắp đà thép đẩy lưới điện ra xa để đảm bảo hành lan an toàn lưới điện hạ thế: 37.272 mét.
- Cải tạo nhánh dây mắc điện: 90.615 mét

- Cải tạo trụ mắc điện: 35 trụ
- Thay trụ điện thấp, nghiêng: 342 trụ
- Thu hồi trụ không sử dụng: 122 trụ

c. Tổng hợp khối lượng đầu tư:

Căn cứ Quyết định số 50/QĐ-HĐTV ngày 18/04/2022 của Tập đoàn điện lực Việt Nam về việc ban hành suất vốn đầu tư xây dựng công trình lưới điện phân phối cấp điện áp đến 35kV.

Căn cứ bảng tính suất vốn đầu tư (Phụ lục 1, 2)

Tổng giá trị khái toán: **18.744.806.283 đồng**

Trong đó

- Giá trị xây lắp: **13.412.749.013 đồng**
- Giá trị thiết bị: **1.411.591.188 đồng**

5. Hiệu quả đầu tư:

- Về mặt kỹ thuật: giải quyết tình trạng quá tải lưới hạ thế khu vực phường Bình Trị Đông tổng công suất tăng thêm từ phát triển và cải tạo lưới hạ thế tình trạng điện áp được cải thiện, giảm tổn thất lưới điện, lưới điện vận hành an toàn và đảm bảo mỹ quan đô thị.

- Về mặt kinh tế xã hội: phát triển lưới điện sâu rộng đến các ngõ hẻm đảm bảo điều kiện cung cấp điện cho nhân dân.

- Về hiệu quả tài chính dự án: Dự án khả thi, đảm bảo khả năng thu hồi vốn dự án và đạt được lợi nhuận (phụ lục bảng phân tích đính kèm).

6. Tiến độ thi công:

- Dự kiến khởi công: Quý I năm 2027.
- Dự kiến hoàn thành: Quý III năm 2027.

7. Bản vẽ mặt bằng tổng thể và các bản vẽ liên quan khác:

BẢNG TỔNG HỢP KHÁI TOÁN																		
Phương án: Hoàn thiện và phát triển lưới hạ thế khu vực Phường Bình Trị Đông năm 2027.																		
STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	kVA	Tổng	Gxd			Gtb		Khác	Đơn giá thành phần (sau VAT)			Thành tiền (sau VAT)			Ghi chú
						XD	cột, x	dây	TB	TNH		Tổng	Xây lắp	Thiết bị	Tổng	Xây lắp	Thiết bị	
I	I. Suất đầu tư EVN 50/QĐ-HĐTV ngày 18/04/2022 (trước VAT):																	
1	HT nối cáp abc 4*95mm2	km	2,24		556,85	225,69	114,25	144,28			72,63	612.535.000	532.642.000	-	1.372.078.400	1.193.118.080	-	
II	III. Khái toán tạm tính:																	
1	Theo DT chi tiết (thay cáp ABC - nhánh mắc điện)	TP	1									12.173.191.372	9.737.900.767	1.411.591.188	12.173.191.372	9.737.900.767	1.411.591.188	
2	Theo DT chi tiết (thay trụ mắc điện, trụ hạ thế nghiêng, thấp)	TP	1									2.754.561.779	2.481.730.166	-	2.754.561.779	2.481.730.166	-	
-	Tổng khái toán chưa dự phòng (sau VAT):														16.299.831.551	13.412.749.013	1.411.591.188	
-	Chi phí dự phòng phát sinh khối lượng (10%)														1.629.983.155			
-	Chi phí dự phòng phát sinh trượt giá (5%)														814.991.578			
-	Tổng khái toán (sau VAT):														18.744.806.283	13.412.749.013	1.411.591.188	

Bảng tổng hợp hiệu quả đầu tư									
Phương án đầu tư: Hoàn thiện và phát triển lưới trung trạm hạ thế khu vực phường Bình Trị Đông năm 2027									
Thông số chính			Độ nhạy						
STT	Khoản mục	Giá trị	a. NPV khi giá mua và giá bán thay đổi (hàng ngang - giá mua)						
I	Tổng vốn đầu tư (Triệu đồng)	18744,81	56275,81	1990,1255	2020,432	2051,2	2081,968	2113,1975	
1	Thiết bị	1411,59	2176,93264	54140,79	69672,81	69672,81	54373,77	23083,79	
2	Xây lắp	13412,75	2210,0839	38263,99	53785,53	53785,53	38496,82	7227,95	
3	Khác		2243,74	38962,31	54473,37	54473,37	39194,97	7947,21	
4	Dự phòng	2444,97	2277,3961	55987,09	71487,68	71487,68	56219,60	24992,92	
5	Khấu hao		2311,55704	90076,73	105566,86	105566,86	90309,08	59103,48	
	Thời gian tính khấu hao (năm)	10	b. IRR khi giá mua và giá bán thay đổi						
	Tỉ lệ khấu hao	10,0%	42%	1990,1255	2020,432	2051,2	2081,968	2113,1975	
	Tỉ lệ giá trị còn lại sau khấu hao	25%	2176,93264	40,5%	48,9%	48,9%	40,7%	22,2%	
II	Nguồn vốn (Triệu đồng)		2210,0839	31,5%	40,4%	40,4%	31,7%	11,1%	
1	Vốn tự có	18744,81	2243,74	32,0%	40,7%	40,7%	32,1%	11,6%	
	- Chiếm	100,0%	2277,3961	41,6%	49,9%	49,9%	41,7%	23,5%	
	- Lãi suất mong chờ	5,0%	2311,55704	59,6%	67,5%	67,5%	59,7%	43,3%	
2	Vốn vay	0,00	c. Thời gian hoàn vốn khi giá mua và giá bán thay đổi						
	- Chiếm	0,0%	3 năm 10 tháng	1990,1255	2020,432	2051,2	2081,968	2113,1975	
	- Lãi suất	10,0%	2176,93264	3 năm 11 tháng	3 năm 4 tháng	3 năm 10 tháng	3 năm 10 tháng	6 năm 0 tháng	
	- Thời gian trả nợ (năm)	10	2210,0839	4 năm 8 tháng	3 năm 11 tháng	3 năm 11 tháng	4 năm 8 tháng	9 năm 1 tháng	
3	Lãi suất bình quân tính NPV	5,0%	2243,74	4 năm 8 tháng	3 năm 10 tháng	3 năm 10 tháng	4 năm 8 tháng	8 năm 10 tháng	
III	Thuế		2277,3961	3 năm 10 tháng	3 năm 4 tháng	3 năm 4 tháng	3 năm 10 tháng	5 năm 10 tháng	
	Thuế thu nhập doanh nghiệp	22%	2311,55704	2 năm 11 tháng	2 năm 8 tháng	2 năm 8 tháng	2 năm 11 tháng	3 năm 8 tháng	
VI.	Các thông số hoạt động		d. NPV khi thay đổi nguồn vốn (hàng ngang là vốn tự có)						
1	Số năm của dự án	10	5627581%	18744,806	14058,605	9372,403	4686,202	0,000	
2	Công suất đặt (kVA)	15000	0,000	56275,8	56275,8	56275,8	56275,8		
3	T.gian sử dụng max	8000	4686,202	47877,5	46972,0	45501,4	42698,3	35275,1	
4	Điện năng c.cấp max (triệu kWh)	120,000	9372,403	41258,1	40180,5	38615,1	36135,6	31619,9	
5	Tổn thất kinh doanh	2,50%	14058,605	35576,4	34531,8	33116,9	31093,3	27964,6	
6	Hệ số sử dụng của phụ tải	60%	18744,806	30448,6	29498,2	28271,0	26626,2	24309,4	
7	Tỷ lệ chi phí QL VH (tính trên TVĐT)	1,0%	e. IRR khi thay đổi nguồn vốn						
8	Giá mua bình quân (đồng)	2051,2	42%	18744,806	14058,605	9372,403	4686,202	0,000	
9	Giá bán bình quân (đồng)	2243,7	0,000	41,7%	41,7%	41,7%	41,7%	41,7%	
			4686,202	38,8%	38,8%	38,8%	38,8%	38,8%	
	NPV	56275,81	9372,403	35,8%	35,8%	35,8%	35,8%	35,8%	
	IRR	41,7%	14058,605	32,9%	32,9%	32,9%	32,9%	32,9%	
	Thời gian hoàn vốn	3 năm 10 tháng	18744,806	29,9%	29,9%	29,9%	29,9%	29,9%	